

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ – LẠM BÀN CỦA NGƯỜI NGOẠI ĐẠO

PGS. TS. NCVCC. NGUYỄN TRI NGUYÊN

Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam

Lời mở

Tôi xin cảm ơn Ban tổ chức hội thảo đã có lời mời tôi viết tham luận cho cuộc hội thảo quan trọng này. Tôi chợt nhớ lời của nhà triết học người Đức là F. Engels - một trong những người sáng lập chủ nghĩa Marx, khi ông tự thú rằng khi tham gia ý kiến vào một lĩnh vực nào đó mà mình kém hiểu biết do chưa được chuẩn bị chu đáo và với tư cách của người ngoại đạo, thường được người đời đại xá nếu có lỡ lời nói lên những điều ngớ ngẩn nào đó. Bởi vậy, sau một khoảng băn khoăn tôi đành liều phát biểu ý kiến. Nếu có gì ngớ ngẩn xin quý vị đại xá cho. Xin cảm ơn.

Có một thực tế, rằng chúng ta không thể không quan tâm đến sự nghiệp đào tạo kiến trúc sư cũng như tâm tư nguyện vọng sinh viên kiến trúc trong một tọa đàm đối thoại gần đây: “Bắt nguồn từ việc không học được những môn cần thiết, đào tạo không đúng đắn, sinh viên Việt Nam sau khi ra trường lại gặp thêm thử thách mới – “hành nghề”. Họ hành nghề một cách thiếu kỹ năng và cuối cùng bị các đồng nghiệp hay sếp chèn ép hoặc mất thêm nhiều năm khác để được đào tạo lại từ đầu. Nhiều sinh viên và kiến trúc sư trẻ cũng chia sẻ những trải nghiệm và băn khoăn của cá nhân với mong muốn trở thành một KTS thực sự. Hầu hết bạn trẻ đều có chung lo lắng về vấn đề đào tạo ngành hiện nay chưa gắn liền với thực tiễn và bản thân không được trang bị những kỹ năng cần thiết trong khi phải đánh đổi trung bình 5 năm tuổi trẻ để học và theo đuổi ước mơ trở thành KTS.” Với thực tế đó, tôi xin được làm bàn như sau:

I. VẤN ĐỀ KHỦNG HOẢNG ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ Ở VIỆT NAM

Trong bài viết *Đào tạo kiến trúc sư đang lâm vào khủng hoảng* của KTS Nguyễn Văn Tấn năm 1998 đã đề cập đến vấn đề này, KTS. Nguyễn Văn Tấn chỉ ra 4 khủng hoảng lớn sau:

a- Khủng hoảng thừa

“Hiện một chương trình quá đa hệ, dù đã kéo dài 5 năm rưỡi vẫn không có chỗ cho sự tỉ mỉ của các giáo trình đào tạo KTS sáng tác, trong khi chính các sinh viên có năng khiếu lại phải đối phó quá nhiều với các môn kỹ thuật. Rốt cuộc là một sự chi phí quá rộng rãi về thời gian và nhân lực để đào tạo cho 80% số người sẽ làm việc khác với mục tiêu đào tạo.”

b - Khủng hoảng thiếu

“Vì không có mục tiêu đào tạo khác hệ đào tạo duy nhất hiện có, nên hàng loạt nhu cầu rất bức xúc, rất thực tế của xã hội hiện tại bị trống chỗ. Và ngay những người đã có khả năng thích ứng chỗ trống đó thì được xem như làm KTS sáng tác không được nên mới phải đảm đương. Thí dụ như một văn phòng thiết kế hiện đại, ít nhất phải có những KTS triển khai hoặc quản lý kỹ thuật giỏi (trọn gói đồ án), cần những KTS phối hợp ở công trường.”

c - Khủng hoảng về cơ cấu

Cơ cấu tư thân

“Thông thường, toàn bộ các vai quan trọng trong bộ máy thiết kế hiện nay đều do sự tự điều chỉnh và tự đào tạo của cơ sở thiết kế. Nghĩa là sau một thời gian lẫn lộn, thử thời vận, các KTS tự chọn một hướng cho mình với hành trang thật thiếu thốn trong khi đã bỏ phí bao công sức cho một chương trình đào tạo quá rộng.”

Cơ cấu lý thuyết

“Như bất cứ ngành nào, số KTS sáng tác, KTS quản lý và khai triển, trung cấp kỹ thuật, họa viên chuyên nghiệp trong mọi tổ chức thiết kế quan hệ số lượng với nhau theo hình kim tự tháp là tốt nhất. Chúng ta đang có kim tự tháp đó nhưng theo chiều ngược lại, nghĩa là cạnh đáy lại xoay lên trời. Điều đó thật dễ thấy khi số lượng rất đông họa viên kiến trúc chuyên nghiệp không có trường đào tạo chính quy.”

d- Khủng hoảng chuyên ngành

“Điều này là hệ quả của khủng hoảng cơ cấu đào tạo. Khi nhiều khu vực rất khác nhau về công việc lại sử dụng chung một nguồn đào tạo KTS. Không cần nói đến một số chức danh chưa có trong danh mục đào tạo, chúng ta nhận ra ngay ở các lớp KTS đang ra trường, họ không đủ độ chín về một mặt nào đó mà họ sở trường: Ý tưởng sáng tạo, lý luận sáng tác, kỹ thuật kiến trúc, kiến tạo phối hợp... trong khi lại biết sơ sài về quá nhiều thứ”.

Bài viết *Đào tạo kiến trúc sư đang lâm vào khủng hoảng* của KTS Nguyễn Văn Tấn năm 1998 là tiếng chuông cảnh báo thực trạng đào tạo kiến trúc sư ở nước ta. Phải chăng, sau hơn 16 năm, cơ bản những vấn đề này vẫn còn nguyên tính thời sự ?

II. KHỦNG HOẢNG NÀY KHÔNG PHẢI CỦA RIÊNG AI

Chúng ta có thể nói khủng hoảng đào tạo kiến trúc sư không phải của riêng ai, điều này không chỉ cần được xem xét trong bối cảnh giáo dục và đào tạo theo một hệ thống của Việt Nam như hiện nay, mà còn cần được xem xét trong bối cảnh thế giới. Bởi vì, chúng ta đang sống trong một thế giới phẳng. Nguyên nhân của khủng hoảng

cần được xem xét không chỉ ở trong hệ thống mà cần được xem xét trên phạm vi quốc tế.

2.1 Nguyên nhân khủng hoảng từ quan điểm đào tạo do ảnh hưởng của Chủ nghĩa xây dựng (P:constructivisms); (L: constructio nghĩa là “xây dựng”).

Qua 4 khủng hoảng mà KTS Nguyễn Văn Tất chỉ ra ta nhận diện ảnh hưởng Chủ nghĩa xây dựng (P: constructivisms; L: constructio nghĩa là “xây dựng”). Khuynh hướng trong nghệ thuật và kiến trúc vào hai thập niên 1920 - 1930, đưa lên hàng đầu mặt kỹ thuật - xây dựng trong sáng tạo. Chủ nghĩa xây dựng phát triển nhất tại nước Nga Xô viết. Về mặt tư tưởng, chủ nghĩa xây dựng phản ánh một cách độc đáo niềm phấn hứng tiến hành cải tạo thực tiễn bằng biện pháp cách mạng, biến nghệ thuật thành phương tiện xây dựng cuộc sống, thành sự sáng tạo những hình dạng có chủ ý nhằm tổ chức cuộc sống.

Về mặt thể giới quan và phương pháp luận, chủ nghĩa xây dựng dựa trên các *nguyên lý duy lý*. Các nghệ sĩ tiêu biểu của khuynh hướng này tin vào cách tổ chức hợp lý cuộc sống, thừa nhận khả năng *có thể tổ chức xã hội theo lý trí*. Từ đó dẫn đến xu hướng đòi tính hợp lý về bố cục trong nghệ thuật, chú ý đặc biệt đến hiệu quả. Trong các tác phẩm xây dựng chủ nghĩa, không gian được tính toán, phân bố hợp lý và cái bộ phận phục tùng cái toàn thể nhằm tạo ra một hiệu quả nhất quán. Ý muốn biến sáng tạo nghệ thuật thành việc *tính toán xây dựng* nhằm mục tiêu thực dụng, theo nguyên tắc chế tạo cỗ máy, đã dẫn đến chủ nghĩa máy móc và biến văn hoá - nghệ thuật thành hoạt động giống như chế tạo máy móc. Dưới hình thức này hay hình thức khác, *khuynh hướng xây dựng chủ nghĩa bộc lộ trong tất cả các bộ môn nghệ thuật*: hội hoạ (K. S. Malevitch, L. M. Lisitski), sân khấu (cách bố trí sân diễn ở nhà hát Meyerhold), kiến trúc (anh em Vesnitsi, M. Ya. Guinsburg, I. I. Leonidov, K. S. Melnikov, I. S. Nikolaev, B. M. Iofan, G. B. Barkhin, vv.).

2.2 Sự thay đổi về mục tiêu và quan điểm đào tạo kiến trúc trên thế giới

Trong tham luận *Những vấn đề trong đào tạo kiến trúc trên thế giới* của nhóm tác giả: TS.KTS Nguyễn Trí Thành, TS.KTS Trần Quốc Thái khủng hoảng này đã được phân tích khá kỹ lưỡng và sâu sắc trên tầm thế giới:

“ Nhìn lại những chuyển biến trong đào tạo KTS từ những năm 1990 - trở lại đây, có thể thấy nổi lên 3 vấn đề chính [2].

Thứ nhất là mối quan hệ giữa đào tạo và hành nghề - nếu trước đây đào tạo là lãnh vực riêng của các nhà giáo thì ngày nay, các trường nhận thức rõ hiệu quả hai chiều từ việc mời các KTS thực hành tham gia giảng dạy, góp phần khai phá những đối tượng thiết kế đa dạng trong thực tế. Kinh nghiệm thực tiễn có thể đưa đào tạo đến gần với cuộc sống hơn, nhưng cũng có thể kìm hãm sự sáng tạo của sinh viên.

Thứ hai, nhiệm vụ đào tạo trở nên khó khăn hơn khi xã hội đòi hỏi những phương thức thiết kế kiến trúc đa chiều hơn - bên cạnh lộ trình kinh điển đi từ công năng đến kết cấu rồi hình thức là các yếu tố nội tại, thì nhiều chương trình đào tạo đã lấy xuất phát điểm là các vấn đề bên ngoài kiến trúc như cấu trúc, địa điểm, xã hội, sinh thái, tâm lý,... chuyển từ chức năng / kỹ thuật / kinh tế quyết định luận sang các cách tiếp cận nhân văn. Việc không có phương thức nào là duy nhất đúng có thể làm người học hoang mang mất phương hướng, đòi hỏi họ phải có khả năng tự lập trong một “thế giới phẳng”.

Thứ ba là sự cân đối quan hệ giữa “tính toàn cầu” và “tính địa phương”, giữa quốc tế hóa và bản địa hóa - KTS có thể hành nghề tại nhiều quốc gia với những nền văn hóa khác nhau, tham gia giải quyết các vấn đề có tính bản địa tại một miền đất khác. Bởi vậy, khi các trường có thương hiệu toàn cầu rất chú trọng khai thác cái riêng thì ở các nước đang phát triển cần xây dựng nền tảng tư tưởng thiết kế từ cội nguồn văn hóa dân tộc để hội nhập mà không bị hòa tan trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.”

Ba vấn đề của đào tạo KTS trên thế giới nêu trên cũng không phải ngoại lệ đối với Việt Nam. Thậm chí, nó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo của nước ta. Bởi vì chúng ta còn phải đào tạo trong điều kiện khó khăn: thiếu thốn cơ sở vật chất (phòng học, thí nghiệm, xưởng mô hình, thư viện,...), bất cập về ngoại ngữ trong khai thác tư liệu, đặc biệt là quan điểm và triết lý đào tạo không rõ ràng, có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng đào tạo. Điều quan trọng là cần có một sự quyết tâm cao độ và kiên trì để có thể “*đưa hệ thống đào tạo kiến trúc của các trường đạt chuẩn theo sự công nhận và kiểm định của quốc tế nhưng đồng thời vẫn phát huy được sắc thái đặc trưng mà mỗi cơ sở đào tạo đã và đang tạo dựng.*” Đó là một nhận định rất xác đáng của nhóm tác giả tham luận.

2.3 Sự bất cập của Việt Nam trong năm bắt Tiêu chí quốc tế về đào tạo kiến trúc sư của thế giới

Hai tác giả bài tham luận cũng đã giới thiệu cho chúng ta: Tiêu chí của UIA – UNESCO và thỏa thuận Canberra Accord về đào tạo kiến trúc sư của thế giới như sau, tháng 4/2008, do 8 tổ chức kiểm định công nhận đào tạo KTS của thế giới (gồm CAA - Australia, CACB - Canada, COMAEA - Mexico, KAAB - Hàn Quốc, NAAB - Mỹ, NBAA - Trung Quốc, RAIA - Australia, RIBA - Anh) đã thống nhất ký kết, bắt đầu áp dụng đối với sinh viên nhập học từ tháng 01/2010.

“Theo đó, người học sau khi tốt nghiệp ra trường được xem là phải nắm vững các năng lực:

1. Áp dụng các kiến thức đã thu nhận được vào việc thiết kế, vận hành và cải thiện các hệ thống, các tiến trình và các môi trường.
2. Hình thành và giải quyết các vấn đề kiến trúc tổng hợp, phức tạp.
3. Hiểu rõ và giải quyết được các tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của công trình kiến trúc.
4. Có thể trao đổi có hiệu quả với khách hàng, cộng đồng.
5. Khuyến khích quá trình học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường.
6. Hoạt động phù hợp với các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của KTS.
7. Ủng hộ và phát triển tốt hơn các môi trường dành cho con người trong xã hội đương đại.”

Thế nhưng, hiện nay chưa có trường nào ở Việt Nam tham gia hệ thống kiểm định quốc tế, mới chỉ 1 - 2 trường nhận được sự công nhận song phương của 1 - 2 trường đối tác cho những dự án đào tạo cụ thể. Đó là một thiệt thòi lớn cho các KTS Việt Nam trong quá trình hội nhập khi sắp tới đây sẽ thực hiện việc cấp chứng chỉ KTS ASEAN. Trong 7 tiêu chí này chúng tôi nhận thấy vẫn còn thiếu một tinh thần bao quát đó là ***hình mẫu nhân cách nghề nghiệp mà trên cơ sở đó xác lập chỉ số đào tạo phổ quát***.

III. HÌNH MẪU NHÂN CÁCH NGHỀ NGHIỆP KIẾN TRÚC SƯ

Muốn đào tạo thành công bất cứ một nghề nghiệp nào trước hết ta cần có nhận thức đúng bản chất của nghề nghiệp đó và nhân cách nghề nghiệp đó. Đương nhiên, nhận thức đó có thể thay đổi theo thời đại và dân tộc. Tuy nhiên, hạt nhân duy lý là cái cốt lõi không bao giờ bị đánh mất. Nếu đánh mất cái cốt lõi này thì nghề nghiệp đó đã thành nghề nghiệp khác. Ví dụ trên đây đã nêu, người ta đã chuyển đào tạo kiến trúc sư thành đào tạo kỹ sư xây dựng. Mà kỹ sư xây dựng là công việc của trường đại học xây dựng. Ngay cả chuyên ngành kỹ sư kiến trúc bị xếp dưới kiến trúc sư thì đối tượng đào tạo này cũng lấp lửng - không là KTS mà cũng chẳng là Kỹ sư xây dựng. Chúng tôi muốn chúng ta nhìn lại cái cũ như trái đất với câu hỏi sơ đẳng: Kiến trúc là gì và kiến trúc sư, họ là ai?

Kiến trúc (*architekton trong tiếng Hy Lạp*) là một bộ môn nghệ thuật nhằm mục đích xây dựng công trình, nhà cửa, cần thiết cho cuộc sống và hoạt động của con người. Nghệ thuật kiến trúc có chức năng thoả mãn những yêu cầu về vật chất thông thường cũng như những đòi hỏi về tinh thần của con người, vì vậy trong đó có sự kết

hợp giữa cái đẹp và cái có ích, mang cả tính kỹ thuật lẫn tính mỹ học. **Những người làm công việc nghệ thuật này được gọi là kiến trúc sư.**

Nghệ thuật Kiến trúc bao gồm toàn bộ những phương tiện và thủ pháp nghệ thuật đã tích lũy được trong lịch sử, thể hiện trong việc chọn hình thức công trình, tỷ lệ giữa các trang trí, tạo thành những phong cách kiến trúc, đặc trưng cho mỗi giai đoạn lịch sử hoặc mỗi nền văn hoá dân tộc. Thí dụ phong cách kiến trúc thời Cổ đại, thời Phục Hng, Barocco, hoặc kiến trúc Trung Hoa, Ấn Độ, nước Nga thời Kiev vv.

Với tính chất một lĩnh vực hoạt động, kiến trúc xuất hiện từ thời tối cổ khi nhân loại còn sống trong hoang dã, khi đó *kiến trúc đã không chỉ hoạt động theo quy luật lợi ích mà cả theo quy luật cái đẹp*. Từ cuối thế kỷ XVI đến XIX trong nghệ thuật kiến trúc châu Âu liên tiếp thay đổi nhau các trường phái và khuynh hướng: Barocco, Rococo, Empire (Đế chế), chủ nghĩa Cổ điển, vv. Từ lúc đó, lý luận kiến trúc trở thành môn học dẫn đầu trong các viện hàn lâm nghệ thuật châu Âu. Sang thế kỷ XX xuất hiện nhiều kiểu công trình kiến trúc: công sở, doanh nghiệp, nhà cao tầng nhiều căn hộ để ở. Việc xây dựng sử dụng những phương pháp công nghiệp, khiến tính thể hiện nghệ thuật của công trình kiến trúc trở thành vấn đề.

Nghệ thuật kiến trúc xứng đáng được gọi là “cuốn sách lịch sử thế giới”, vì nó “cất lên tiếng nói” mỗi khi các truyền thuyết và bài ca im tiếng và mỗi khi không còn ai nhớ đến những nhóm dân tộc và nền văn hoá của họ đã mai một, biến mất trên trái đất. Trên các trang của cuốn “lịch sử bằng gạch đá” ấy, người ta thấy “ghi lại” những thời kỳ trong lịch sử nhân loại.

Quang phổ liên quan tới trình độ trừu tượng và tính thẩm mỹ của nghệ thuật được biểu đạt như lược đồ kèm theo sau đây:

KIẾN TRÚC	ĐIỀU KHẮC	HỘI HỌA, ĐỒ HỌA, THIẾT KẾ	SÂN KHẤU, NHẢY MÚA	NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ		ÂM NHẠC
				TỰ SỰ	TRỮ TÌNH	
CỤ THỂ	CỤ THỂ	CỤ THỂ	CỤ THỂ	TRỪU TƯỢNG	TRỪU TƯỢNG	TRỪU TƯỢNG
KHÔNG GIAN	KHÔNG GIAN	KHÔNG GIAN	KHÔNG - THỜI GIAN	THỜI GIAN	THỜI GIAN	THỜI GIAN
VẬT THỂ	VẬT THỂ	VẬT THỂ	PHI VẬT THỂ	PHI VẬT THỂ	PHI VẬT THỂ	PHI VẬT THỂ

THỊ GIÁC	THỊ GIÁC	THỊ GIÁC	THỊ- THÍNH GIÁC	THỊ- THÍNH GIÁC	THỊ - THÍNH GIÁC	THÍNH GIÁC
----------	----------	----------	-----------------------	-----------------------	---------------------	------------

Chúng ta tìm thấy *nghệ thuật kiến trúc đầu tiên*, rồi tiếp sau là *nghệ thuật điêu khắc*, vừa có quan hệ với môi trường vừa có tính thị giác; sau đó trong trung tâm của phần nghệ thuật thị giác là *hội họa, đồ họa và các nghệ thuật phác họa khác*.

Các nghệ thuật kịch ở mức độ khác nhau những yếu tố thị giác và yếu tố tự sự (thuật truyện). *Tiểu thuyết, truyện ngắn*, và thường cả văn học chuyên ngành nằm trong phạm vi tự sự một cảnh rõ ràng. Rồi tiếp đến là *thi ca*, bản chất của nó theo tính tự sự màu sắc, thì nó nghiêng về bậc cuối cùng có tính âm nhạc của quang phổ này. (Tuy nhiên, thỉnh thoảng, cũng ở trong khuynh hướng đối lập, có tính thị giác). *Nhảy múa* liên kết những yếu tố tự sự với âm nhạc; và cuối cùng, bên phải trong bảng quang phổ này là *âm nhạc*, - *một nghệ thuật trừu tượng nhất và “có tính thẩm mỹ nhất”*.

WALTER PATER một nhà nghệ thuật học Mỹ đã từng nói: “Mọi nghệ thuật đều vươn tới tính cách của âm nhạc”, khi ông này nói đến xu hướng của nghệ thuật đương đại như một dự báo. Do đó, trong nghệ thuật hiện đại, kiến trúc càng gia tăng tính trừu tượng và tính thẩm mỹ và kiến trúc sư hiện đại là kiểu nghệ sĩ vừa có tư duy trừu tượng và trình độ thẩm mỹ cao, xứng là người sáng tạo ra không gian văn hóa nghệ thuật của thời đại.

IV. CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ TRONG ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ

Trên cơ sở hình mẫu nhân cách kiến trúc sư nói trên, chúng tôi mạn phép xác lập một phương thức đào tạo đáp ứng những đòi hỏi và tiêu chí đào tạo từng phương diện nói trên theo 04 chỉ số của người thành đạt: IQ, EQ, SQ, CQ. Trong đánh giá chương trình đào tạo, phương thức đào tạo và cách đánh giá người được đào tạo, chúng ta dựa thường vào tiêu chí IQ là chính. Đó là *chỉ số thông minh*, hay IQ (viết tắt của intelligence quotient trong tiếng Anh), là một khái niệm được nhà khoa học người Anh Francis Galton đưa ra trong cuốn sách Hereditary Genius xuất bản vào cuối thế kỷ 19. Đây là chỉ số dân trí giáo dục phổ thông và để nói đến trình độ tri thức và kiến thức nền. So với mô hình nhân cách kiến trúc sư nêu trên chỉ nhìn vào chỉ số IQ thì vừa thừa mà cũng vừa thiếu: khi quá nặng những nội dung kỹ thuật mà quá nhẹ về tính sáng tạo nghệ thuật và tâm văn hóa.

Để đáp ứng việc hình thành các phương diện nhân cách kiến trúc sư phải coi trọng và kết hợp hài hòa những chỉ số của người thành đạt EQ, SQ, CQ sau đây:

a- Trí tuệ xúc cảm (emotional intelligence - EI) thường dùng dưới hàm nghĩa nói về chỉ số cảm xúc (emotional intelligence quotient - EQ) của mỗi cá nhân.

Chỉ số này mô tả khả năng, năng lực, kỹ năng (trong trường hợp của mô hình tính cách về trí tuệ xúc cảm) hay khả năng tự nhận thức để xác định, đánh giá và điều tiết cảm xúc của chính mỗi người, của người khác, của các nhóm cảm xúc^[1]. Trí tuệ xúc cảm là nhánh nghiên cứu tương đối mới của ngành tâm lý học. Do đó, định nghĩa về trí tuệ xúc cảm không ngừng thay đổi. Lĩnh vực này rất quan trọng trong việc xác định kiểu nhân cách quan lý văn hóa là một lĩnh vực cực kỳ nhạy cảm.

Bắt đầu từ năm 1990, nhà tâm lý học Peter Salovey ở ĐH Yale và John Mayer ở ĐH New Hampshire đã đưa ra thuật ngữ Trí thông minh cảm xúc (Emotional Intelligence, hoặc Emotional Quotient - EQ). Thực tế cho thấy, cảm xúc chỉ đạo trí thông minh có lẽ còn hơn cả logic toán học. Bằng phân tích cấu tạo của bộ não và các xung thần kinh, người ta đã chứng minh được lý trí, mà đại diện là trí thông minh, không có ở dạng thuần túy mà được nuôi dưỡng bởi cảm xúc, và chính phần neocortex (phụ trách suy luận trên não) là nhạc trưởng, nó chỉ đạo, phối hợp, kiểm soát các cảm xúc đột ngột và gán cho chúng một ý nghĩa. EQ thể hiện khả năng của một người hiểu rõ chính bản thân mình cũng như thấu hiểu người khác ít nhiều giống với khái niệm mà Gardner gọi là trí thông minh trong người và thông minh giữa người. Hơn thế, nó còn là khả năng chế ngự cảm xúc để thích ứng với hoàn cảnh và kiểm soát các cảm xúc. Người có EQ cao, do vậy dễ thích nghi, luôn tìm được sự hòa hợp trong một tập thể, dễ dàng nhận được sự hợp tác hơn những "thiên tài đơn độc" (mà trong thời đại hiện nay, tính tập thể trong làm việc việc hết sức quan trọng). Sau đó, nhà tâm lý học Daniel Goleman xác định cụ thể và có hệ thống hơn trong tác phẩm của ông mang tên Emotional Intelligence.

EQ một phần là bẩm sinh nhưng cũng do giáo dục, rèn luyện mà có được. Việc giáo dục tình cảm phải được thực hiện từ khi trẻ còn nhỏ, hệ thần kinh chưa trưởng thành, có nhiều cơ hội tiếp nhận những cảm xúc mới. EQ không đối lập với IQ, mà mục đích của giáo dục là phát triển song song hai chỉ số này. Có những người được thiên phú cả hai, nhưng không ít người lại thiếu cả hai. Trí tuệ cảm xúc thiên về cá nhân nhưng lại rất quan trọng trong sự hình thành cá tính sáng tạo để nó tạo ra cái mới và cái độc đáo.

Càng ngày, người ta càng cho rằng EQ quan trọng hơn IQ, như người ta thường nói "với IQ người ta tuyển lựa bạn, nhưng với EQ, người ta đề bạt bạn". Những người thành đạt không phải là người có IQ cao nhất mà có EQ cao nhất

b- Thông minh xã hội (Social Intelligence) - xác định bằng chỉ số thông minh xã hội (Social Quotient SQ). Người ta hay nói đến chỉ số SQ

Rộng hơn nữa, khả năng biết dựa vào EQ kết hợp với sự nhạy bén trong nhận thức những cái mới nảy sinh trong xã hội để chủ động điều tiết cách ứng xử của mình trong cộng đồng được các nhà tâm lý học phát triển thành một khái niệm gọi là Thông minh xã hội (Social Intelligence, xác định bằng chỉ số thông minh xã hội Social

Quotient SQ). Khái niệm này do Edgar Doll đưa ra từ năm 1937, với mục đích xác định mức độ hòa nhập vào một tập thể rộng lớn thông qua khả năng đánh giá đúng người, đúng việc, sự khôn khéo, cách xử lý có hiệu quả một cá nhân trước mỗi hiện tượng, sự kiện, mỗi tình huống cụ thể... Đa số câu hỏi trắc nghiệm chỉ số SQ dựa vào tính đối cực do Hans Eysenck đưa ra trên cơ sở các dữ liệu lâm sàng và thống kê. SQ được xem như chiếc chìa khóa để thành công trong cuộc đời, và nếu như các chỉ số khác đều cao, cá nhân đó chắc chắn sẽ là một người thành đạt trong xã hội.

c- CQ - Trí thông minh sáng tạo (Creative Intelligence và tương ứng CQ)

Bất cứ hoạt động trong lĩnh vực nào cũng không chỉ dựa vào những cái có sẵn mà phải phát triển nó lên. Tuy nhiên cách phát triển ấy ở mỗi người một khác, có thể là sự tiệm tiến, nhưng cũng có thể là những bước đột phá, những bước nhảy vọt. Khi đó, sự sáng tạo được thể hiện. Có những người cho rằng chính sự sáng tạo mới phân biệt giữa người này với người khác và chính nó là cốt lõi của trí thông minh. Đó là lý do để người ta đưa ra một khái niệm mới, một tiêu chí đánh giá nữa, được gọi là Trí thông minh sáng tạo (Creative Intelligence và tương ứng CQ). Nhà tâm lý học người Anh Harry Adler lần đầu tiên đưa ra khái niệm này. Ông nghiên cứu vùng khu trú của những suy nghĩ sáng tạo và định nghĩa một cách đơn giản: "Khả năng sáng tạo là cái loé sáng vỗ nhẹ vào vùng não phải để làm bật ra những ý tưởng". Nói như vậy có nghĩa là tuy phần nào mang tính bẩm sinh, nhưng khả năng sáng tạo vốn có trong tư duy mỗi người và hoàn toàn có thể "rèn luyện" được. Adler đã chỉ ra rằng có thể nâng cao hiệu quả của não bộ bằng cách tập suy nghĩ, tìm ra những cái phi thường, cái "loé sáng" trong cái bình thường và đề xuất rất nhiều cách để tạo ra "cái vỗ nhẹ" đó.

Cũng chính vì thế, mục tiêu giáo dục ở các nước tiên tiến là không chỉ cung cấp kiến thức đào tạo mà tạo ra những người biết suy nghĩ sáng tạo. Gần đây, người ta đã xây dựng cả một ngành khoa học mang tên “Tư duy sáng tạo” nhằm mục đích này. Xét cho cùng, chính trí thông minh sáng tạo mới làm nên lịch sử khoa học kỹ thuật và công nghệ, mới xây dựng được một kho tàng văn hóa nghệ thuật khổng lồ, mới thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại. Lại càng cần thiết đối với kiến trúc với tư cách là người sáng tạo ra không gian văn hóa nghệ thuật (hay phong cách thẩm mỹ) cho thời đại và cho dân tộc mình.

Thay lời kết

Có thể nói, trong thời điểm hiện nay mà bàn đến sự nghiệp đào tạo là một thách thức lớn. Từ trung ương đến địa phương, từ Bộ đến các trường, từ nhà quản lý đến nhà giáo, từ người dạy đến người học và nói rộng ra ..là toàn xã hội, vẫn loay hoay chưa tìm ra câu trả lời có tính khả thi cho vấn đề quan trọng này. Thử nhìn lại minh triết giáo dục và đào tạo của ta, chỉ ít từ 1954 cho đến những năm đầu thập niên 1990, là minh triết giáo dục theo hướng: phổ thông, phổ cập và đại trà, với cấu trúc hình thang. Mục tiêu nhà trường đào tạo ra người lao động và cán bộ cách mạng là chủ yếu. Từ

đầu những năm 2000, chúng ta mới nói đến đào tạo ***dân trí, nhân lực và nhân tài***, và bắt đầu nghĩ tới cấu trúc đào tạo hình kim tự tháp. Nhưng thực hiện cấu trúc kim tự tháp theo mô hình đào tạo nào thì còn quá nhiều lúng túng và bất cập. Đã là một hệ thống thì lắm sức ỳ do đó chuyển dịch cả một hệ thống cũ sang hệ thống mới là rất khó khăn, không phải lắp ráp như trò chơi lego. Muốn có hệ thống mới phải có ít nhất 50 năm. Do đó, có lạm bàn kiểu gì, thì chúng ta vẫn chỉ đề cập đến những vấn đề cục bộ nếu không nói là tiểu tiết. Nhiều cuộc hội thảo và nhiều nghiên cứu của chính giới kiến trúc sư nước ta đã bàn thảo rất kỹ, có thể nói các đồng nghiệp đã thấy sớm từ 20 năm qua rồi. Nhưng vấn đề dường như còn hiện hữu và nóng bỏng. Chúng ta cần khắc phục những bất cập trong nắm bắt những tiêu chí thế giới trong đào tạo kiến trúc sư để nâng cao vị thế và chất lượng đào tạo kiến trúc theo đúng ý nghĩa của nó.

ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HCM

TS. KTS. NGUYỄN THỊ HẠNH NGUYỄN
Trường ĐH Kiến trúc TP. HCM

Kết quả học tập trong giáo dục đại học phản ánh chất lượng đào tạo của một môn học. Kết quả của đồ án tốt nghiệp phản ánh chất lượng đào tạo của một trường Đại học. Vì vậy việc tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá môn học/ học phần Đồ án TN rất quan trọng và cần hết sức thận trọng. Đặc thù của giảng dạy đồ án ngành Thiết kế nội thất hay ngành Kiến trúc là giảng dạy kiểu truyền nghề trực tiếp và thực hành là chủ yếu. Vì vậy việc xây dựng mục tiêu môn học cũng như những bước tiếp theo gồm: xây dựng nội dung, phương pháp và xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả cũng cần theo tính đặc thù này.

Nhìn vào thực trạng việc giảng dạy cũng như đánh giá kết quả hiện nay của đồ án tốt nghiệp ngành Thiết kế Nội thất, ĐH Kiến trúc TP.HCM, so sánh với một vài trường trong nước và Quốc tế có lĩnh vực đào tạo tương đương cho thấy cần phải có sự thay đổi đáng kể trong khâu đánh giá để kết quả đầu ra phản ánh đúng chất lượng đào tạo và từ đó thúc đẩy các quá trình trước đó thay đổi theo, tất cả nhằm một mục đích: nâng cao chất lượng đào tạo NTK/ KTS Nội thất của Nhà trường.

Tiểu luận này đề cập đến thực trạng và các giải pháp sơ bộ cho việc tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá đồ án tốt nghiệp ngành Thiết kế Nội thất của trường ĐH Kiến trúc T.HCM.

1. Vài nét khái quát về học phần đồ án TN

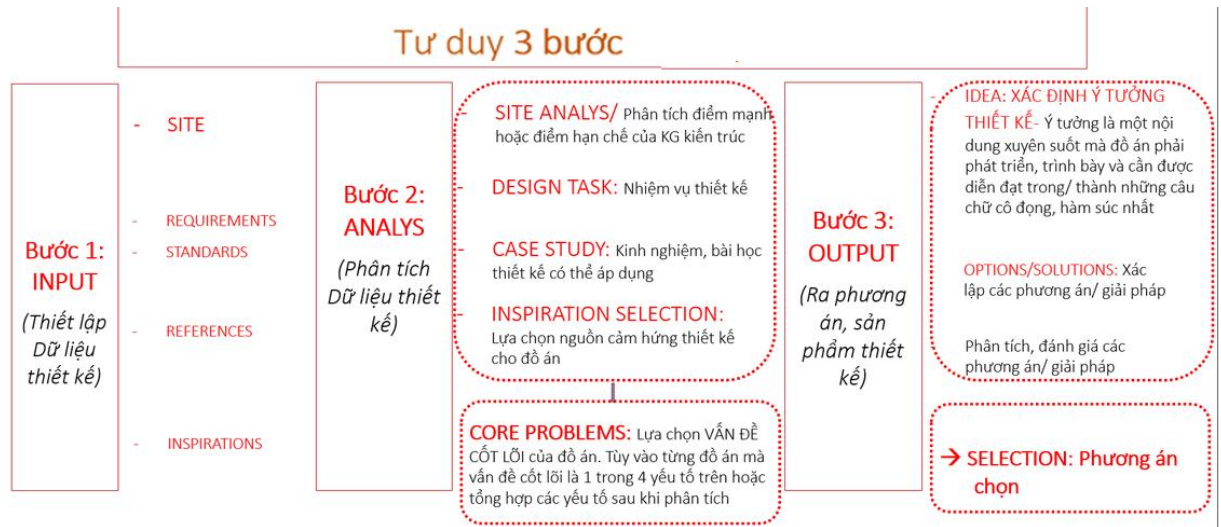
a. Mục tiêu học phần

Sinh viên sau khi kết thúc học phần sẽ *thực hiện đúng qui trình 3 bước tư duy* của hoạt động thiết kế nội thất (được mô tả trong mục tiếp theo). Có khả năng sáng tạo, đề xuất các ý tưởng độc đáo cho đồ án. Sinh viên có khả năng triển khai *hoàn chỉnh bản vẽ kỹ thuật và bản vẽ 3D* cho các không gian. Sinh viên có *năng lực trình bày đồ án* qui mô lớn bao gồm *năng lực thể hiện bản vẽ và năng lực bảo vệ, phản biện* đồ án trước hội đồng

b. Qui mô và hình thức triển khai đồ án tốt nghiệp ngành TKNT:

Đồ án tốt nghiệp ngành TKNT diễn ra ở học kỳ 10 và kéo dài 15 tuần với 10 tín chỉ (trong đó 13 tuần tìm ý và thông qua ý kiến của giảng viên hướng dẫn, 2 tuần thể hiện đồ án). Sinh viên lựa chọn công trình kiến trúc thực tế để triển khai 4 không gian

nội thất điển hình, đặc trưng cho thể loại công trình. Sinh viên trải qua thời gian thiết kế và thông qua giảng viên các bản thiết kế. (Mỗi giảng viên hướng dẫn từ 2 đến 9 sinh viên tùy thuộc vào năng lực và trình độ của giảng viên)



Hình 1: Sơ đồ tư duy 3 bước áp dụng cho đồ án ngành Thiết kế Nội thất

(Tác giả: Nguyễn Thị Hạnh Nguyên)

Trong 13 tuần tìm ý và thiết kế, sinh viên sẽ trải qua cuộc kiểm tra tiến độ 70%, thường diễn ra vào tuần thứ 8 của đồ án. Sau giai đoạn thiết kế này sinh viên có giai đoạn thể hiện đồ án (2 tuần tại nhà) không có sự tham gia của giảng viên hướng dẫn

c. Nội dung đồ án tốt nghiệp ngành TKNT

Sinh viên nghiên cứu đồ án theo qui trình 3 bước thiết kế gồm:

Bước 1: Thiết lập dữ liệu thiết kế (2 tuần) sinh viên chuẩn bị toàn bộ nội dung đi trước để hỗ trợ cho đồ án TN

Bước 2: Phân tích dữ liệu thiết kế (3 tuần) Từ yêu cầu đã có trong phần dữ liệu thiết kế. Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu hay đặc điểm nổi bật của hiện trạng kiến trúc. Lựa chọn các bài học kinh nghiệm để áp dụng cho đồ án của mình (Case study) [1].

Bước 3: Đề xuất phương án/ giải pháp (8 tuần) Nêu ý tưởng của đồ án, các giải pháp cụ thể đi theo ý tưởng, các giải pháp cho từng không gian và từng thành phần của không gian. Ở bước này, sinh viên và giảng viên trao đổi nhiều lần để sửa chi tiết cho từng thành phần không gian. Điều chỉnh các giải pháp về công năng và hình thức của công trình để đạt được phương án tối ưu.

2. Thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá đồ án tốt nghiệp (ĐATN) ngành Thiết kế Nội thất (TKNT) trường Đại học Kiến trúc TP.HCM.

Trước đây 4 năm ngành Thiết kế nội thất chưa xây dựng được thang điểm đồ án cho từng nội dung, không xây dựng tiêu chí và quan điểm đánh giá. Việc đánh giá đồ án mang nhiều cảm tính, quan tâm chủ yếu tới hình thức đồ án (chất lượng bản vẽ 3D, hình khối, màu sắc thể hiện trong đồ án) mà ít chú trọng đến logic, lập luận của sinh viên. Hiện nay từ quy trình thực hiện đồ án đến cách đánh giá đã quan tâm tới các yếu tố này để đảm bảo chất lượng đồ án cao hơn, sinh viên ra trường đáp ứng được công việc thực tế nhanh hơn. Hoạt động kiểm tra, đánh giá ĐATN thực hiện theo 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Kiểm tra tiến độ tốt nghiệp - được thực hiện sau tuần thứ 8, đang trong bước tư duy thứ 3: phác thảo ý tưởng và triển khai các giải pháp. Lần kiểm tra này các bài đạt yêu cầu tiến độ 60% sẽ được đi tiếp. Các sinh viên không đạt tiến độ sẽ phải dừng lại. Không có thang điểm chấm cụ thể mà các giảng viên chỉ trao đổi sơ bộ về yêu cầu khối lượng bản vẽ. Sự không chính xác, không lượng hóa này khiến việc đánh giá **thiếu tính minh bạch và tính tin cậy**.

Giai đoạn 2: Kết thúc đồ án, chấm điểm đồ án tốt nghiệp. Hội đồng thành lập gồm 5 thành viên, không theo chuyên ngành sâu (công trình nhà ở, công trình nghỉ dưỡng, văn hóa...) nên đôi khi việc đánh giá **thiếu tính giá trị**. Trong hội đồng cũng thiếu các chuyên gia về kiến trúc, kết cấu... các ngành kỹ thuật liên quan (liên ngành) để góp ý cho đồ án. Vì vậy việc đánh giá cũng không hết được giá trị đồ án.

3. So sánh với một vài trường trong nước và quốc tế

Trong khi mục tiêu đào tạo của trường là đào tạo ra các KTS có thể đáp ứng ngay công việc của xã hội, giải quyết những vấn đề thực tế. Việc xây dựng, tổ chức hoạt động đánh giá đồ án tốt nghiệp ở ĐH Kiến trúc TP.HCM (HCMUARC) có một số điểm khác với các trường của Việt Nam và nhiều điểm khác với đại học tổng hợp Nottingham. Nhìn chung các trường của Việt Nam vẫn còn nặng tính hình thức và bệnh thành tích, không đi vào bản chất là: nâng cao vị thế của trường từ việc đánh giá đúng, có hiệu quả các kết quả đào tạo.

Dưới đây là bảng so sánh một vài tiêu chí về tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả tốt nghiệp ngành Nội thất của HCMUARC và các trường ĐH Kiến trúc HN (HAU); Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH) và khoa Nội thất ĐH Tổng hợp Nottingham UON.

BẢNG SO SÁNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NỘI THẤT CỦA HCMUARC VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Tiêu chí	HCMUARC	HUTECH	HAU	UON
Số thành viên hội đồng TN/ chuyên ngành của các TV	5 Cùng chuyên ngành	5 Cùng chuyên ngành	7 - 9 Có 2 thành viên lĩnh vực khác	5 Liên ngành, các lĩnh vực khác nhau
Thời lượng trình bày 1 đồ án	Tổng 20 -25 phút: Trình bày: 10p Hỏi, trả lời: 10p	Tổng 15 phút	Tổng 30-35 p. Cá biệt 60p	Tổng 30p
Thang điểm đánh giá	10 chia A,B,C;D;F	10 chia A,B,C;D;F	10 chia A,B,C;D;F	100
Tiêu chí đánh giá đồ án	Nhấn mạnh vào qui trình, tính Logic	Chú trọng trình bày hồ sơ bản vẽ	Thiên về ý tưởng, sự sáng tạo và hình thức	Quan tâm đến mục tiêu và cách giải quyết mục tiêu

(Nguồn: Tác giả, webside của các trường)

Hình ảnh	Cách thức đánh giá
	<i>Đại học Kiến trúc- HAU. Buổi chấm tiến độ đồ án tốt nghiệp năm 2016.</i> (Nguồn: Khoa Nội thất và Mỹ thuật, HAU) Sinh viên treo bài, trình bày trước hội đồng và các sinh viên cùng khóa. Hội đồng chỉ đánh giá đạt/ không đạt
	<i>HCMUARC. Buổi chấm đồ án tốt nghiệp năm 2015.</i> (Nguồn: Webside trường HCMUARC) Sinh viên treo bài, trình bày trước hội đồng gồm 5 thành viên

	Triển lãm đồ án tốt nghiệp ngành Nội thất, UON, tháng 6 năm 2016. Ảnh chụp: Ths. Đặng Thanh Hưng Đồ án tốt nghiệp được trưng bày và lấy ý kiến đánh giá từ công chúng: khách tham quan, sinh viên, các giảng viên... trước khi diễn ra lễ bảo vệ tốt nghiệp
	Buổi bảo vệ đồ án của sinh viên ngành Nội thất, đại học AA

4. Nhận định những mặt tích cực và hạn chế trong cách đánh giá đồ án TN hiện nay của HCMUARC

Mặt tích cực

- Việc xây dựng thang điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp (Phụ lục 5) vừa phải, đúng mục tiêu đặt ra của môn học vừa đảm bảo tính minh bạch, tính tin cậy và đảm bảo tính giá trị.
- Việc công bố điểm: Ngoài công bố điểm trung bình cuối cùng có công khai từng điểm của thành viên hội đồng ngay sau mỗi bài thi: đảm bảo tính minh bạch.

Mặt hạn chế

- Việc chia tiến độ và kiểm tra tiến độ ở tuần thứ 8 là vừa phải. Có một số trường như ĐH Kiến trúc Đà Nẵng thực hiện kiểm tra tiến độ khi sinh viên đạt 90% khối lượng đồ án vì chỉ cách thời điểm nộp bài 2 tuần là quá trễ (Phụ lục 2). Thời điểm đó không kịp cho sinh viên thay đổi và ít có giá trị đánh giá.

- Cách thức tổ chức đánh giá: Không có nhiều thời gian cho sinh viên trình bày, không đủ thời gian cho sinh viên và hội đồng đối chất từ đó bộc lộ khả năng của sinh viên: Thiếu tính tin cậy và vì vậy thiếu tính giá trị.

- Đánh giá không theo đa chiều, liên ngành, không có các chuyên gia ngành khác cùng đánh giá: Thiếu tính giá trị

- Thời lượng bảo vệ đồ án ngắn, thiếu thời gian để chất vấn, phản biện vì vậy không bộc lộ hết năng lực sinh viên (thiếu tính tin cậy).

5. Đề xuất một số biện pháp cải tiến công tác tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá đồ án tốt nghiệp ngành Thiết kế Nội thất đảm bảo tính minh bạch, tính tin cậy và tính giá trị

+ Đánh giá đi theo mục tiêu

Mục tiêu đào tạo và triết lý đào tạo của trường đang đi theo hướng “*Triết lý Hiện thực*” và “*Triết lý Thực nghiệm*”, sinh viên phải tham gia thực hành, thực tế nhiều. Các đồ án của sinh viên gắn với thực tế và có thể áp dụng thực tế. Để tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả, người đánh giá phải thường xuyên cập nhật và hiểu rõ nhu cầu xã hội đối với sản phẩm (là sinh viên tốt nghiệp)



Hình 2: Tác giả và nhóm sinh viên tốt nghiệp thăm văn phòng Nội thất của Cty MIA tháng 4/2016

Đánh giá kết quả đồ án là một quy trình có tính tổng hợp, linh hoạt thay đổi theo hệ thống phân loại, bám sát vào mục tiêu đào tạo và những yêu cầu cơ bản mà sinh viên cần phải tích lũy trong quy trình học tập trên những nguyên tắc cơ bản :

+ Đánh giá một cách khách quan và công khai (Tính minh bạch)

Xây dựng một hệ thống Barem chấm điểm thống nhất và công khai theo từng tiêu chí của các đồ án chuyên ngành. Các câu thành điểm được công khai ở từng giai đoạn.

+ Đánh giá đồ án theo quá trình học tập (Tính tin cậy)

Một đồ án được phân chia thành các giai đoạn để đánh giá và kết quả được tính vào điểm kết thúc của đồ án. Đánh giá kết quả tổng hợp ở giai đoạn kiểm tra tiến độ tốt nghiệp theo nhóm giảng viên vì giảng viên theo dõi toàn bộ quá trình học tập của sinh viên.

+ Đánh giá một cách toàn diện, tổng hợp (Tính giá trị)

Đánh giá sự hiểu biết của sinh viên về đề tài nghiên cứu; khả năng độc lập tư duy của sinh viên trong quá trình nghiên cứu; đánh giá về năng lực sáng tạo; khả năng vận dụng kỹ thuật của sinh viên. Khả năng thể hiện ý đồ và trình bày, diễn đạt ý tưởng của sinh viên

Kết luận và kiến nghị

a. Kết luận: Để đảm bảo chất lượng đào tạo NTK Nội thất/Kiến trúc sư Nội thất với tiêu chí sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia ngay, có hiệu quả, có chất lượng vào công tác tư vấn thiết kế các công trình trong thực tế, việc thực hiện khâu cuối cùng trong qui trình đào tạo, khâu đánh giá phải rất thận trọng cân nhắc.

b. Kiến nghị về qui trình quản lý và theo dõi

Đây là một quy trình đòi hỏi tính linh hoạt theo hướng mở nhưng phải chặt chẽ nhằm đưa đến kết quả đánh giá chính xác và công minh .

- Tính linh hoạt và mở (Tính giá trị)

Trong từng giai đoạn được ấn định thời gian sinh viên có quyền đề xuất một lịch trình tự học thông qua các buổi lên lớp của mình... Những đề tài của đồ án được công khai và sinh viên có thể đăng ký từ trước để có nhiều thời gian tư duy sớm về đồ án.

- Tính chặt chẽ (Tính minh bạch)

+ Không được thay đổi đề tài và hoàn cảnh nghiên cứu khi thời gian thực hiện đồ án theo thời khoá biểu đã bắt đầu.

+ Đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu của một đồ án

+ Lập sổ theo dõi cá nhân của từng sinh viên để theo dõi và ghi điểm công khai có chữ ký của giáo viên hướng dẫn và trưởng ngành.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên (2010). *Kỹ thuật truyền đạt ý tưởng Kiến trúc*, Bài giảng dùng cho chương trình tiên tiến, Ngành Kiến trúc, ĐH Kiến Trúc Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên, Nguyễn Quốc Trung (2016). *Nội dung và phương pháp giảng dạy đồ án kiến trúc*, Tham luận “Hội nghị Khoa học và Công nghệ 2016 – HUTECH”, Đại học Công Nghệ Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- [3]. Phan Thanh Long, Giáo dục ĐH TG và Việt Nam. Khoa Tâm Lý GD, ĐH KHXH và NV.

Các trang Web

- [4]. <http://www.topuniversities.com/university-rankings>
- [5]. <https://www.aaschool.ac.uk/>
- [6]. <https://www.nottingham.ac.uk/>

ĐÀO TẠO NGÀNH KIẾN TRÚC TẠI TP. HCM TỪ GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

KTS. TRẦN KHÁNH TRUNG

Công ty cổ phần Thiết kế TTT Architects

Nếu so sánh các ngành đào tạo hiện nay tại VN thì những ngành như Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu Điện ảnh, Kiến trúc được xem là những ngành khác biệt so với nhiều ngành nghề khác. Đó là những ngành mang đậm tính nghệ thuật và đòi hỏi các sinh viên phải có một chút năng khiếu bẩm sinh về lĩnh vực mình theo học. Tuy nhiên nếu xét riêng trong các ngành có tính nghệ thuật này thì ngành kiến trúc lại có một sự khác biệt hơn nữa. Trong ngành kiến trúc, tính nghệ thuật, văn hóa được pha trộn với nhiều lĩnh vực khác như tính logic của toán học, tính chính xác của các ngành kỹ thuật, tính nhân văn của các ngành xã hội học, tính kinh tế của các ngành tài chính và cả sự kết nối chặt chẽ với ngành công nghệ thông tin mới phát triển gần đây. Với sự kết nối đa dạng như vậy đòi hỏi chương trình đào tạo của ngành kiến trúc cũng cần có sự khác biệt tương ứng.

Cho đến trước thời kỳ mở cửa, TP.HCM chỉ có duy nhất trường ĐH Kiến trúc TP.HCM đào tạo ngành kiến trúc, cung cấp cho XH mỗi năm trên dưới 50 kiến trúc sư. Trong thời gian đó, với số lượng thầy cô giảng viên kiến trúc tuy ít ỏi nhưng lại có rất nhiều kinh nghiệm thực tế nên các sinh viên kiến trúc khi tốt nghiệp đã được trang bị lượng kiến thức tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong giai đoạn này (thời bao cấp – các dự án kiến trúc đa số là các dự án của nhà nước, tập trung vào các Viện, Xí nghiệp thiết kế nơi có bề dày kinh nghiệm nhiều năm). Tuy nhiên, sau thời kỳ mở cửa, ngành Kiến trúc đã có nhiều thay đổi, thị trường thay đổi, vật liệu thay đổi, xu hướng thay đổi, khách hàng thay đổi, cách tiếp cận các dự án thay đổi và thực tế đã cho thấy các kiến thức mà sinh viên được tiếp thu từ chương trình đào tạo kiểu cũ không còn phù hợp.

Bên cạnh đó, trước xu hướng toàn cầu hóa, mức độ cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt, sinh viên ra trường không chỉ cạnh tranh việc làm với nhau bên trong nước mà còn phải đối đầu với cả lực lượng lao động ở nước khác nữa. Điều đó đòi hỏi sinh viên cần được trang bị đầy đủ hơn, nhiều hơn và đa dạng hơn để có thể thích nghi với môi trường cạnh tranh mới nhiều thách thức. Trong hoàn cảnh mới, chương trình đào tạo ĐH cũng đã thay đổi nhiều, đáp ứng theo nhu cầu mới của xã hội. Tuy nhiên thực tế cho thấy vẫn còn đó một số khiếm khuyết đối với các sinh viên tốt nghiệp, chưa đáp

ứng đúng và đủ yêu cầu của thị trường, nguyên nhân không chỉ từ **chương trình đào tạo** mà còn cả ở **chiến lược đào tạo** nữa.

A. Chiến lược đào tạo ngành thiết kế kiến trúc chưa phù hợp

Thông thường, ở các đơn vị thiết kế đang hoạt động, công việc của KTS thường chia làm 2 giai đoạn:

- GD 1: **thiết kế ý tưởng** đòi hỏi khả năng sáng tạo của KTS
- GD 2: **triển khai kỹ thuật** đòi hỏi nhiều kiến thức của KTS liên quan đến kỹ thuật như kết cấu, điện, nước, điều hòa không khí...

Hiện nay hầu hết các trường ĐH đều cung cấp lực lượng KTS chủ yếu phục vụ cho GD 1 và gần như không có SV được đào tạo riêng cho công việc của GD 2. Kết quả là lực lượng KTS phục vụ GD 1 thì đông trong khi GD 2 thì thiếu trầm trọng. Thực tế thì cũng có nhiều KTS có năng lực rất phù hợp trong công việc triển khai kỹ thuật (so với sáng tác ý tưởng), tuy nhiên do được đào tạo là KTS sáng tác nên tâm lý của họ thì không muốn duy trì công việc triển khai mà luôn muốn chuyển đổi qua công việc sáng tác. Kết quả là kỹ năng triển khai kỹ thuật thì không được nâng cao do không muốn đầu tư dù có năng lực mà kỹ năng sáng tác cũng vẫn thấp vì bản thân không có năng lực trong lĩnh vực này.

Nếu nhìn qua các ngành khác như kỹ thuật, kinh tế, sư phạm... sẽ thấy lực lượng lao động luôn được đào tạo theo 3 hệ: đại học, cao đẳng và trung cấp, đáp ứng được lực lượng lao động cho xã hội theo nhiều cấp độ. Trong khi đó ngành thiết kế kiến trúc hầu như thiếu hẳn hệ Cao đẳng, chính là lực lượng đáp ứng cho GD triển khai kỹ thuật các dự án kiến trúc nội thất.

Khoảng 1975 - 1978, ĐH kiến trúc TP.HCM đã có đào tạo hệ Cao đẳng kiến trúc 3 năm, đáp ứng được nhu cầu cấp bách của xã hội. Tuy nhiên sau đó các SV tốt nghiệp hệ cao đẳng này lại được trường gọi về học tiếp 2 năm nữa để nhận bằng KTS và xem như xóa mất lực lượng lao động chủ lực phục vụ cho giai đoạn triển khai kỹ thuật nêu trên.

Hiện nay, báo chí nước ta mới bắt đầu lên tiếng về vấn đề đào tạo dư thừa lực lượng cử nhân của các trường đại học trong khi xã hội đang thiếu trầm trọng lực lượng lao động với trình độ thấp hơn, được đào tạo từ các trường cao đẳng, trung cấp. Nếu nhìn lại sẽ thấy vấn đề này đã xảy ra ở ngành kiến trúc từ hơn 30 năm nay nhưng đến giờ vẫn chưa được điều chỉnh.

Đã có nhiều đề nghị giải quyết vấn đề nêu trên theo một cách khác là tách riêng chương trình đào tạo cho 2 loại bằng kiến trúc: KTS sáng tác (như hiện nay) và kỹ sư kiến trúc – thiên về triển khai kỹ thuật.

Theo xu hướng chung của thế giới, hiện nay ngành kiến trúc ở VN cũng đã bắt đầu được chia ra nhiều ngành nhỏ, hai ngành Quy hoạch, Kiến trúc công trình đã được đào tạo riêng, và những phân ngành nhỏ hơn như Thiết kế nội thất, Thiết kế đô thị, Cảnh quan... Tuy nhiên vẫn chưa thấy tách riêng chương trình đào tạo KTS sáng tác và

kiến trúc sư triển khai thiên về kỹ thuật như khá nhiều trường ĐH ở một số quốc gia khác đang áp dụng.

B. Chương trình đào tạo ngành kiến trúc còn khiếm khuyết

Đối với hầu hết sinh viên các ngành trong quá trình đào tạo đều cần được trang bị các **kỹ năng** cần thiết để khi tốt nghiệp có thể tham gia vào lực lượng lao động trình độ cao phục vụ xã hội. Ngành Thiết kế kiến trúc cũng vậy, các kỹ năng của sinh viên kiến trúc có thể chia làm 3 nhóm: bên cạnh 2 loại kỹ năng thường được nhắc đến là **kỹ năng cứng** (kiến thức), và **kỹ năng mềm** còn có thêm kỹ năng ở khoảng giữa, tạm gọi là **kỹ năng “vừa mềm vừa cứng”**

Ở góc độ các doanh nghiệp thiết kế, nơi tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp - sản phẩm đầu ra của các trường kiến trúc, chúng tôi nhận thấy các sinh viên kiến trúc sau khi tốt nghiệp có nhiều điểm mạnh nhưng cũng có cả điểm yếu được thể hiện trong bảng đánh giá năng lực sinh viên kiến trúc đã tốt nghiệp bên dưới. Trong bảng này liệt kê các kỹ năng mà mỗi sinh viên cần trang bị trong quá trình học tập bậc đại học, bao gồm 3 nhóm kỹ năng khác nhau như nêu trên trong đó có những kỹ năng chung cho sinh viên tất cả các ngành và những kỹ năng dành riêng cho sinh viên ngành kiến trúc.

1. KỸ NĂNG CỨNG

Kỹ năng cứng được hiểu là những kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học được chia thành 2 nhóm: kiến thức chuyên ngành và kiến thức các ngành phụ trợ liên quan trực tiếp.

Nhìn chung các SV kiến trúc đã tiếp thu khá tốt kiến thức chuyên ngành, có thể vận dụng các kiến thức đã học để ứng dụng vào thiết kế công trình khi ra trường.

Tuy nhiên các kiến thức mới như **vật liệu mới, cấu tạo mới** chưa được cập nhật đầy đủ vào chương trình khiến sinh viên rất ngỡ ngàng khi ra thực tế bởi nhiều vật liệu cũ, cấu tạo cũ trong tài liệu học tập đã lạc hậu không còn phù hợp. Bên cạnh đó, các xu hướng kiến trúc mới như **Kiến trúc Xanh, thiết kế bền vững, thiết kế tích hợp** cũng chưa được đưa vào chương trình bắt buộc, do vậy khi ra trường sinh viên không thể tiếp cận ngay các xu hướng mới này.

Đối với kiến thức các ngành phụ trợ, sinh viên tiếp thu rất tốt các ngành liên quan đến nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, graphic... đáp ứng được yêu cầu trên thực tế khi ra trường. Nhưng ngược lại, các ngành thuộc về kỹ thuật như kết cấu, cấp điện, cấp thoát nước, điều hòa không khí, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy,... thì lại rất yếu và hoàn toàn không đáp ứng được yêu cầu của các dự án thực tế. Nguyên nhân được cho có thể là do chương trình đào tạo hoặc không cung cấp đủ kiến thức cần thiết (thí dụ sinh viên kiến trúc chưa được học đầy đủ về HT điều hòa không khí), hoặc do nội dung chương trình học các môn kỹ thuật được vay mượn từ chương trình học dành cho kỹ sư chuyên ngành, khiến sinh viên kiến trúc không biết chọn lọc các kiến thức quan trọng dành riêng cho KTS khi áp dụng trên thực tế. Tuy nhiên cũng có thể bản thân sinh viên đã có tâm lý cho rằng các kiến thức này là không quan trọng cho nghề kiến trúc nên đã không quan tâm.

Đối với **công nghệ thông tin**, các kiến thức cơ bản như vi tính văn phòng (words, excel,...) thì sinh viên thích ứng rất tốt, kể cả các phần mềm chuyên ngành như CAD, SketchUp, 3Dmax, ADT, Revit... các sinh viên cũng khá thành thạo. Vấn đề nằm ở chỗ các bạn đang sử dụng các phần mềm này cho mục đích thể hiện là chính, và chưa quan tâm hoặc chưa được hướng dẫn nhiều về sử dụng các dữ liệu ẩn bên trong. Hiện nay các phần mềm thế hệ mới như Revit luôn kết hợp với các dữ liệu kết nối với nhiều chương trình tính toán khác liên quan đến vật lý kiến trúc, năng lượng,... ứng dụng nhiều trong thiết kế tích hợp. Những kiến thức mới này đã chưa được sinh viên nắm vững.

Một số kiến thức quan trọng và khá thiết thực khác mà sinh viên chưa được trang bị đầy đủ là **kiến thức về pháp luật**, nhất là **luật xây dựng**. Ngoài ra, Quy chuẩn XDVN cũng chưa được hướng dẫn cho sinh viên một cách cặn kẽ hoặc không được cập nhật kịp thời cho sinh viên dẫn đến áp dụng sai trên thực tế.

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay các trường ĐH lớn trên thế giới đang khuyến khích sinh viên học bổ sung thêm các môn học đại cương như triết học mở rộng, lý luận học, logic học, nghệ thuật, lịch sử thế giới,... được gọi chung là giáo dục tổng quát (general education hay liberal art). Kiến thức từ các môn học này giúp sinh viên có đủ bản lĩnh để có thể thích ứng được với các biến đổi đang diễn ra rất nhanh trên thế giới theo xu hướng toàn cầu hóa. Nhiều chuyên gia cho rằng kiến thức này là nền tảng để sinh viên có thể trang bị đầy đủ phẩm chất của một người trí thức, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Ngoài ra, những kiến thức tổng quát này cũng giúp nâng cao tư duy sáng tạo của KTS. Tuy nhiên hình như các kiến thức này chưa được quan tâm nhiều tại Việt Nam, đây cũng là thiệt thòi cho sinh viên trong đó có sinh viên ngành kiến trúc.

2. KỸ NĂNG MỀM

Hiện nay, mọi người đều nhận ra kỹ năng mềm không kém phần quan trọng và cần thiết trong công việc nhất là đối với các sinh viên mới ra trường. Bên cạnh các kỹ năng cần thiết chung của nhiều ngành nghề như kỹ năng giao tiếp, trình bày, thuyết phục, làm việc phối hợp nhóm, tổ chức thực hiện công việc hiệu quả, quản lý lưu trữ tài liệu, sử dụng máy tính thành thạo... sinh viên ngành kiến trúc còn có những kỹ năng mềm riêng biệt: **kỹ năng trình bày ý tưởng thiết kế**.

Với hơn 5 năm được đào tạo là khoảng thời gian không ngắn, tuy nhiên sinh viên kiến trúc lại có rất ít cơ hội được **trình bày ý tưởng** của mình trong các đồ án, điều này khiến các bạn thiếu tự tin khi phải trình bày trước khách hàng. Có thể là không được bình tĩnh khi đứng trước những khách hàng nhiều tuổi hơn, kinh nghiệm hơn; có khi là không biết cách nói để người nghe hiểu được những gì mình muốn truyền đạt. Tuy nhiên kỹ năng trình bày chưa phải là yếu tố quan trọng, yếu tố khác quan trọng hơn mà sinh viên chưa quan tâm là **kỹ năng chuẩn bị nội dung trình bày**: Việc sắp xếp thứ tự nội dung, chọn lựa hình ảnh, bố cục trình bày, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong trình bày phương án cũng rất quan trọng. Đây là những

khiểm khuyết mà các SV kiến trúc cần được tạo điều kiện rèn luyện nhiều hơn trong 5 năm ở trường ĐH.

3. KỸ NĂNG VỪA MỀM VỪA CỨNG

Đây là kỹ năng đòi hỏi sinh viên biết kết hợp cả hai kỹ năng nêu trên, biết vận dụng các kiến thức chuyên ngành thông qua các kỹ năng mềm để xử lý công việc.

Ngoại ngữ được xem là một kỹ năng vừa cứng vừa mềm. Bên cạnh kỹ năng nghe, nói, sinh viên còn cần biết thu thập kiến thức để có một vốn từ ngữ đủ rộng ở nhiều lĩnh vực để có thể trao đổi, đọc, viết, tìm hiểu, học hỏi sâu hơn các tài liệu nước ngoài giúp nâng cao kiến thức chuyên ngành. **Tư duy phản biện** cũng là một kỹ năng đòi hỏi vận dụng kiến thức chuyên môn trong giao tiếp, trình bày thuyết phục...

Kiến trúc là một ngành nghệ thuật nên đôi khi việc tiếp nhận thông tin từ những khách hàng không chuyên ngành là không hề đơn giản, đòi hỏi **kỹ năng tiếp nhận và truyền đạt thông tin giữa chuyên ngành và không chuyên ngành**. KTS cần nắm bắt được tâm lý khách hàng, hiểu được các yêu cầu về nghệ thuật một cách chính xác thông qua ngôn ngữ không chuyên và có thể sai lệch của KH để chuyển đổi đúng qua yêu cầu chuyên ngành, sau đó lại phải chuyển đổi ngược lại để có thể truyền đạt các ý tưởng mang tính nghệ thuật của đồ án cho khách hàng một cách dễ hiểu nhất. Hiện tại kỹ năng này gần như không có đối với sinh viên vừa tốt nghiệp. Có thể nếu được học môn Tâm lý học cũng như các môn học thuộc giáo dục tổng quát thì sinh viên sẽ có thể vận dụng để rèn luyện kỹ năng này tốt hơn.

Trở lại với kiến thức các môn phụ trợ về kỹ thuật, nhiều sinh viên cũng có đầu tư học hỏi các kiến thức này trong trường, tuy nhiên lại **không tự chọn lọc được những kiến thức cơ bản, quan trọng về kỹ thuật dành cho KTS** để có thể áp dụng vào thực tế. Thông thường ở các dự án vừa và lớn, các kỹ sư kết cấu hoặc cơ điện phải thực hiện công việc của mình theo bản thiết kế kiến trúc có trước của KTS. Tuy nhiên nếu KTS không có đủ các kiến thức cơ bản về Kết cấu hay cơ điện thì sẽ không thể kiểm soát được công việc của các kỹ sư, không thể phản biện hay đưa ra yêu cầu cho các kỹ sư đáp ứng mà ngược lại nhiều lúc phải điều chỉnh bản thiết kế kiến trúc của mình theo yêu cầu từ bản vẽ kỹ thuật, có khi phá hỏng cả ý tưởng thiết kế kiến trúc ban đầu. Hiện nay cũng như trước đây, đa số các giảng viên các bộ môn kỹ thuật là những người chuyên ngành kỹ thuật, không có nhiều kiến thức, kinh nghiệm về kiến trúc nên thường không thể giúp sinh viên hiểu được các KTS sẽ cần những kiến thức chính yếu nào trong bộ môn mình giảng dạy dẫn đến sự hoang mang cho sinh viên khi học các môn này. Thí dụ KTS sẽ không cần biết cách tính toán kết cấu một cách cụ thể nhưng lại cần nắm vững về cơ kết cấu, các biểu đồ nội lực cơ bản, các dạng khung chịu lực,...KTS không cần biết rõ cách tính toán chi tiết về chiếu sáng nhưng rất cần các kiểu tính “rợ” để có thể dự trù trước số lượng các loại đèn cần dùng. KTS không cần biết cách tính toán chính xác về công suất máy điều hòa không khí nhưng cần nắm rõ các hệ thống thiết bị khác nhau, cần biết các kích thước không gian cần thiết để có thể lắp đặt được HT ĐHKK, là hệ thống kỹ thuật ảnh hưởng nhiều nhất đến không

gian của kiến trúc. Để có thể làm chủ được thiết kế của mình, biến sự sáng tạo trên giấy trở thành tác phẩm ngoài thực tế, rõ ràng KTS cần nắm vững kiến thức về kỹ thuật và biết vận dụng một cách khéo léo vào các dự án mà mình tham gia. Đây chính là điều các SV kiến trúc chưa được hướng dẫn đầy đủ trong trường.

Ngành kiến trúc liên quan đến hầu như mọi ngành nghề khác trong xã hội, đòi hỏi **KTS phải luôn luôn thu thập thêm các kiến thức mới từ nhiều ngành khác nhau**. Khi thiết kế nhà hàng, KTS phải tìm hiểu tâm lý thực khách khi thưởng thức món ăn, cách thức nấu nướng, nhu cầu cần thiết cho nhà bếp, cho cả những người phục vụ bàn. Khi thiết kế nhà hát, KTS phải trang bị thêm các kiến thức về âm thanh, ánh sáng sân khấu, về kỹ thuật trình chiếu, hoặc sẽ phải học hỏi rất nhiều kiến thức của ngành y khi thiết kế bệnh viện.

Công việc của KTS đối với mỗi dự án từ lúc phác thảo ý tưởng cho đến khi công trình được xây dựng xong trải qua nhiều công đoạn khác nhau. **KTS luôn phải đáp ứng được theo từng công việc khác biệt**, từ những lúc bay bổng với ý tưởng đầy cảm xúc cho đến những lúc xoay vòng với những con số kỹ thuật hoặc cực nhọc mưa nắng nơi công trường...

Để có thể tiếp nhận kiến thức của rất nhiều ngành nghề khác, để có thể thích nghi với nhiều công việc khác nhau, môi trường khác nhau, tình huống khác nhau, bản thân KTS phải được trang bị một nền tảng kiến thức tổng quát đủ rộng. Có nghĩa bộ môn Giáo dục tổng quát - nền tảng cho phát triển tri thức đa dạng - cần được đưa vào chương trình chính khóa dành cho các sinh viên kiến trúc.

Điểm cuối cùng và cũng là hiển nhiên mà các sinh viên tốt nghiệp còn thiếu chính là **kinh nghiệm thực tế**. Năng lực KTS đòi hỏi sự bổ sung rất nhiều từ kinh nghiệm thực tế bởi tác phẩm của KTS không chỉ là bản đẹp trên giấy mà phải là một công trình thực tế. Khi đi xin việc thì nhà tuyển dụng thường đòi hỏi kinh nghiệm, nhưng sinh viên mới tốt nghiệp thì lấy đâu ra kinh nghiệm? Thực ra kinh nghiệm nằm ở chỗ sinh viên đã tận dụng khoảng thời gian thực tập ngắn ngủi như thế nào, và đó sẽ là một lợi thế cạnh tranh, tuy ít ỏi nhưng vẫn đủ để vượt qua các ứng viên khác không có. Vấn đề là các trường chuẩn bị gì cho sinh viên trước và sau khi thực tập? Bản liệt kê các thông tin, kiến thức cần thu thập hoặc bảng câu hỏi mà sinh viên cần tìm câu trả lời trong quá trình thực tập sẽ giúp định hướng cho sinh viên thu thập được nhiều kiến thức thực tế hơn.

Tổng kết lại, ở góc nhìn của các doanh nghiệp ngành kiến trúc, các KTS vừa tốt nghiệp vẫn còn thiếu một số kỹ năng, không chỉ thiếu kỹ năng mềm mà còn thiếu cả các kỹ năng cứng. Chính vì các kỹ năng cứng chưa được trang bị đầy đủ nên sinh viên không thể phối hợp hai kỹ năng này để nâng cao các kỹ năng vừa mềm vừa cứng, là những kỹ năng mà các doanh nghiệp ngành kiến trúc, xây dựng đang rất cần từ các KTS mới ra trường.

Để đáp ứng các nhu cầu thực tế của xã hội đối với sản phẩm đầu ra của các trường đại học ngành kiến trúc, có lẽ mỗi trường cần làm một cuộc khảo sát thị trường:

gửi các câu hỏi, bảng đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp đến các doanh nghiệp liên quan. Kết quả thu nhận từ các cuộc khảo sát này sẽ chính là đề bài để nhà trường có thể xây dựng được một chương trình đào tạo phù hợp, để các sinh viên sau khi được đào tạo ra đáp ứng đúng với nhu cầu thực tế của xã hội.

Vấn đề bổ sung kinh nghiệm thực tế cho sinh viên, ngoài việc chuẩn bị kỹ cho sinh viên trước khi đi thực tập của nhà trường, vẫn cần thêm sự hỗ trợ từ chính phủ. Ở góc nhìn vĩ mô nếu chương trình thực tập cho sinh viên được xem là chiến lược quốc gia để đào tạo lực lượng lao động tri thức lành nghề thì chắc chắn chính phủ sẽ phải đặt ra nhiều quy định cần thiết để các doanh nghiệp chuyên ngành tạo điều kiện để sinh viên, nhất là sinh viên kiến trúc có thể thu thập kinh nghiệm thực tế tốt nhất tại đơn vị mình. Có thể vấn đề tiếp nhận sinh viên thực tập ở mỗi đơn vị kinh doanh sẽ là một yêu cầu bắt buộc từ chính phủ để đổi lấy một khoản ưu đãi thuế nhất định cho mỗi doanh nghiệp.

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÁC KỸ NĂNG CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NGÀNH KIẾN TRÚC							
ST T	KỸ NĂNG	MÔ TẢ	YÊU CẦU		ĐÁNH GIÁ	NGUYÊN NHÂN	ĐỀ NGHỊ HƯỚNG GIẢI QUYẾT
			Đa ngành	Chuyên ngành			
1	KỸ NĂNG CỨNG	Kiến thức chuyên ngành kiến trúc		X	tốt		
2		Kiến thức mới chuyên ngành (thiết kế bền vững, thiết kế tích hợp, vật liệu mới, cấu tạo mới...)		X	yếu	Kiến thức mới chưa được cập nhật đầy đủ vào chương trình đào tạo, chưa được xem là môn học bắt buộc	nên đưa vào chương trình bắt buộc
3		Kiến thức các ngành mỹ thuật phụ trợ (hội họa, điêu khắc, graphic,...)		X	tốt		
4		Kiến thức các ngành kỹ thuật phụ trợ (Kết cấu, Cấp điện, Cấp thoát nước, điều hòa không khí, vật lý kiến trúc, ...)		X	yếu	SV chưa được trang bị đầy đủ; tập trung chưa đúng vào các kiến thức cần thiết	nên đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo, nhấn mạnh các điểm quan trọng đối với KTS
5		Kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản (Microsoft office,...)	X		tốt		
6		Kiến thức về công nghệ thông tin chuyên ngành (CAD, SketchUp, Revit, BIM, Photoshop,...)		X	khá	SV chưa được định hướng đúng các phần mềm chuyên ngành quan trọng để rèn luyện (Revit, BIM,...)	Cần định hướng rõ ràng các phần mềm dành cho tương lai để sinh viên nắm rõ
7		Kiến thức pháp luật	X		yếu	SV gần như không được trang bị	nên là kiến thức bắt buộc
8		Kiến thức pháp luật chuyên ngành (luật XD, Quy chuẩn XD,...)		X	Yếu	SV không được trang bị đầy đủ	Cần giúp SV hiểu rõ ý nghĩa các luật lệ, quy chuẩn
9		Kiến thức tổng quát (kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, lịch sử, nghệ thuật, triết học, logic học...)	X		TB	Các môn học giáo dục tổng quát (general education hay liberal art) chưa được quan tâm ở VN	Nên khuyến khích SV đăng ký các môn học này và cần tránh trang bị kiến thức một cách phiến diện

ST T	KỸ NĂNG	MÔ TẢ	YÊU CẦU		ĐÁNH GIÁ	NGUYÊN NHÂN	ĐỀ NGHỊ HƯỚNG GIẢI QUYẾT
			Đa ngành	Chuyên ngành			
10	KỸ NĂNG MỀM	Giao tiếp	X		khá		
11		Trình bày, thuyết phục	X		TB	Có lẽ do cách học thụ động từ phổ thông	Khuyến khích SV rèn luyện qua các đồ án môn học
12		Thuyết trình ý tưởng thiết kế		X	yếu	SV ít có cơ hội rèn luyện kỹ năng này trong trường	Khuyến khích SV rèn luyện qua các đồ án môn học
13		Làm việc phối hợp nhóm	X		khá		
14		Tổ chức thực hiện công việc	X		khá		
15		Quản lý, lưu trữ tài liệu	X		yếu	Vấn đề này chưa được coi trọng dù rất cần thiết cho tất cả mọi người	Cần đưa kiến thức này vào chương trình giảng dạy cho tất cả sinh viên
16		Biên soạn tài liệu	X		TB	Có lẽ do hậu quả của kiểu học "văn mẫu" dưới phổ thông	Cần rèn luyện kỹ năng viết cho SV nhiều hơn

ST T	KỸ NĂNG	MÔ TẢ	YÊU CẦU		ĐÁNH GIÁ	NGUYÊN NHÂN	ĐỀ NGHỊ HƯỚNG GIẢI QUYẾT
			Đa ngành	Chuyên ngành			
17	KỸ NĂNG VỪA MỀM VỪA CỨNG	Ngoại ngữ	X	X	TB		
18		Tư duy phân biện	X		yếu	Có lẽ do cách học thụ động từ phổ thông	
19		Tiếp nhận, truyền đạt thông tin giữa không chuyên và chuyên ngành		X	yếu	SV chưa quan tâm đến "giáo dục tổng quát" trong đó có môn Tâm lý học	Đẩy mạnh chương trình giáo dục tổng quát
20		Ứng dụng CNTT chuyên ngành (CAD, SketchUp, Revit, Ecotech, BIM,...)		X	khá	SV có thể ứng dụng tốt nhưng chưa được định hướng đúng các phần mềm quan trọng cho tương lai	
21		Chọn lọc, ứng dụng kiến thức phụ trợ vào chuyên ngành		X	yếu	SV thiếu kiến thức phụ trợ hoặc không được hướng dẫn chất lọc các kiến thức quan trọng từ kiến thức phụ trợ	Cần bổ sung đầy đủ các môn kỹ thuật quan trọng. Nếu giảng viên là KTS thì sẽ giúp SV chọn lọc các kiến thức quan trọng riêng cho KTS tốt hơn
22		Khả năng tiếp nhận các kiến thức các ngành nghề khác; thích ứng với các công việc khác nhau, các tình huống khác nhau...	X	X	yếu	SV thiếu kiến thức từ giáo dục tổng quát	Đẩy mạnh chương trình giáo dục tổng quát
23		Kinh nghiệm thực tế về chuyên ngành		X	yếu	SV không được thực tập đầy đủ và nghiêm túc	Tổ chức cho SV thực tập với yêu cầu thu thập kiến thức cụ thể phải đạt được

Tài liệu tham khảo

Các bài viết trên báo Tuổi trẻ cuối tuần số 34 - 2016 ngày 4/9/2016

1. GIÁO DỤC TỔNG QUÁT, LIỆU CÓ XA XỈ - Tiến sĩ Phạm Thị Ly
2. ĐỪNG ĐỀ THUẬT NGỮ LÀM CHO RỐI TRÍ - Denis F. Berg – Tiến sĩ, giáo sư danh dự ĐH bang California, Fullerton, Hoa Kỳ
3. LIỆU CÓ THỂ LÀM CẢ HAI – Dan Matre – Giáo sư khoa quản trị kinh doanh trường ĐH Averno

VÀI NÉT VỀ TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SV TRONG ĐÀO TẠO KHOA KIẾN TRÚC NỘI THẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HCM

TS. VÕ THỊ THU THỦY
Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM với các khoa, ngành đào tạo về thiết kế như Kiến trúc, Quy hoạch, Mỹ thuật công nghiệp và Kiến trúc Nội thất..., thu hút khá nhiều SV theo học, hàng năm các lớp kiến trúc sư, cử nhân nghệ thuật, các nhà thiết kế nội thất ra trường, tham gia hoạt động hiệu quả trong mọi lĩnh vực và phần nào đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa của xã hội ở lĩnh vực thiết kế, trở thành một trong những trường công lập “có thương hiệu có tiếng tăm”. Tuy nhiên trải qua thời gian khá dài đến nay, chất lượng đào tạo của trường - đối với xã hội nói chung và ngành giáo dục đào tạo hệ đại học chưa được khẳng định rõ, chưa có những số liệu thuyết phục để tiếp tục hấp dẫn thu hút người học nhất là trong tình trạng môi trường đào tạo đại học ngày càng khó khăn với nhiều cạnh tranh và biến động về tuyển sinh như những năm gần đây.

Một trong những tồn tại là vấn đề việc tổ chức, đánh giá kết quả học tập trong các chương trình dạy và học, làm nên chất lượng đào tạo của nhà trường cần được xem xét bàn luận. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo các năm học gần đây, đề cương bài giảng, giáo trình giáo án thường chỉ chú trọng đến các hạng mục, nội dung học thuật, thực hành thực nghiệm mà chưa quan tâm nhiều đến việc gắn mục tiêu đào tạo hay mục tiêu môn học với phần tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, dùng các kết quả học tập để làm số liệu để tư vấn về đào tạo và xây dựng chương trình, biên soạn đề cương, giáo trình bài giảng.

Hiện nay, đào tạo các ngành thiết kế ngoài những môn cơ sở và cơ sở chuyên ngành thì hình thức học tập chủ yếu là các đồ án thiết kế với các tiếp cận lý thuyết và thực hành và tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập có nhiều khác biệt, đó là lý do mà chúng tôi chọn trình bày tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần đồ án thiết kế trong đào tạo khoa Kiến trúc Nội thất hệ đại học.

1. Một số đặc thù về đào tạo và môn học đồ án của khoa Kiến trúc Nội thất

Do tính đặc thù của ngành học, thiết kế nội thất với hình thức thực hành mang tính sáng tạo qua 12 HP đồ án (51 tín chỉ) toàn khóa – 12/65 HP bắt buộc, chuyên ngành thiết kế (số liệu từ chương trình đào tạo NK 2014 - 2015 ngành thiết kế kiến

trúc nội thất, ĐH Kiến trúc TP.HCM). Các đồ án dạng học phần thực hành có lý thuyết (5 tiết giảng đề) số tiết còn lại SV thực hành. Đồ án tốt nghiệp cuối khóa (10 tín chỉ) đánh giá kết quả cho SV tốt nghiệp ra trường.

Một yếu tố không kém phần quan trọng là với hình thức đào tạo có tính truyền nghề đặc trưng của ngành đào tạo cử nhân nghệ thuật nên có quy định số SV trên GV khoảng 15 SV/GV do vậy, lớp đông sinh viên (90 – 120 SV) nên mỗi đồ án phải phân nhiều nhóm, mỗi nhóm do một giảng viên phụ trách nên dễ đưa đến tình trạng không đồng đều trong việc thống nhất về: yêu cầu, nội dung đồ án, cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên - một phần do cách thức hướng dẫn “truyền nghề” khá đặc trưng của ngành học này. Việc tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập hầu như vẫn giao hết cho giảng viên đảm trách học phần, thiếu sự quan tâm theo dõi của cấp bộ môn, khoa và trường.

Hình thức đánh giá theo đồ án cũng có nhiều khác biệt và biến đổi theo thời lượng của đồ án (45t, 60t, 90t, đồ án lớn 120 tiết), gồm từ 2 đến 3 giai đoạn theo trình tự nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu → phương án, ý tưởng => xây dựng phương án (concept) => khai triển phương án thiết kế (layout) => khai triển đồ án trên phần mềm 2D và 3: nhiều điểm nhất là D - hình ảnh do vậy việc đánh giá ít nhiều cảm tính, độ chính xác tương đối đôi khi không có sự tương đồng giữa các giảng viên cùng tham gia hướng dẫn và đánh giá đồ án

Có thể thấy với tính đặc thù ấy nên cần tìm những tiêu chí, hình thức, mô hình đánh giá phù hợp để bảo đảm tính khách quan, minh bạch và có thể giảm thiểu những cảm tính, chủ quan, đánh giá chính xác về năng lực của người học.

2. Hiện trạng việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần đồ án Thiết kế nội thất

Về chương trình bài giảng

Để trình bày hiện trạng hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá trong các đồ án, đầu tiên chúng tôi sẽ giới thiệu phần đánh giá thể hiện qua một khung đề bài của đồ án thiết kế nội thất đang giảng dạy hiện nay tại khoa, và một khung đồ án của trường ngoài nước đào tạo cùng chuyên ngành từ đó có sự so sánh, phân tích, đánh giá, làm rõ hơn trước khi nhận định hiện trạng tổ chức kiểm tra đánh giá của khoa.

Trường	ĐH Kiến trúc TP. HCM - khoa Kiến trúc Nội thất	ĐH Dublin –Ireland – School of Art, Design and Printing Bachelor of Interior Design [6,7]
Học phần	<i>Đồ án TKNT công trình dịch vụ nghỉ dưỡng</i> (3TC - 90T)	<i>Đồ án</i> Thiết kế cơ bản 1 module không gian
Mục tiêu học	- Đồ án cung cấp các kiến thức cơ bản	1. Đào tạo các nhà thiết kế để họ hội đủ

phần (<i>Learning objectives</i>)	giúp cho sinh viên tìm hiểu và phân biệt các loại hình công trình dịch vụ nghỉ dưỡng, các yếu tố liên quan đến công năng sử dụng và hình thức thẩm mỹ các không gian nội thất cơ bản trong công trình khách sạn. - Sinh viên hoàn thiện kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu thiết kế, đánh giá phân tích và xây dựng nhiệm vụ thiết kế làm tiền đề cho giải pháp thiết kế nội thất. - Sinh viên thực hiện thiết kế nội thất các không gian tiêu biểu trong công trình đã chọn, áp dụng các kiến thức chuyên ngành thể hiện đồ án TKNT hoàn hảo nhất.	năng lực của thiết kế nội thất và đồ nội thất thông qua việc khuyến khích thích họ chứng tỏ khả năng cao nhất về trí tuệ, sự sáng tạo và kỹ thuật. 2. Trang bị cho sinh viên sau khi tốt nghiệp tiếp cận với những kỹ năng và khả năng phát triển một cách tích cực và sáng tạo để hoạt động trong lĩnh vực thiết kế phù hợp. 3. Trang bị cho sinh viên tốt nghiệp với những kỹ năng thích hợp và khả năng tự nghiên cứu và duy trì học tập. 4. Cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp với một sự hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa, môi trường mà họ sẽ hoạt động như một nhà thiết kế chuyên nghiệp. 5. Để cho phép sinh viên tốt nghiệp làm một đóng góp tích cực vào việc cải thiện các tiêu chuẩn thiết kế trong xã hội.
Yêu cầu kết quả học tập		1. Sau khi hoàn thành chương trình các SV sẽ có một nhận thức và khả năng về: Sự phân tích, đánh giá công việc với vai trò chuyên gia trong một nhóm thiết kế. 2. Sau khi hoàn thành chương trình các sinh viên sẽ có một kiến thức về: - Bối cảnh lịch sử, xã hội, môi trường và văn hóa, mà họ sẽ hoạt động với vai trò là nhà thiết kế - Có năng lực chuyên môn và pháp lý của một nhà thiết kế 3. Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên có thể chứng minh năng lực trong: - Quá trình thiết kế và những yếu tố tác động của các giải pháp thiết kế của SV - Các cơ sở hình thành ý tưởng thể hiện qua những bản phác thảo 4. Sinh viên sẽ có thể chứng minh khả năng: - Áp dụng các kiến thức kỹ thuật và kỹ năng phù hợp có liên quan đến thiết kế nội thất và đồ nội thất.

		- Kỹ năng khảo sát hiện trường và đối tượng thiết kế. - Khả năng thẩm định và đánh giá đề xuất các giải pháp có tính sáng tạo của SV - Khả năng nắm vững công nghệ và hiện thực hóa các giải pháp thiết kế cho các công trình có tính chất phức tạp.
Nhiệm vụ thiết kế	GD1:Thiết lập dữ liệu thiết kế <i>Thuyết trình cá nhân các nội dung theo yêu cầu giai đoạn</i> GD2:Thực hành TK nội thất (Trên giấy A3- tối thiểu 8 tờ) - Tóm tắt các thông tin GD1 - Các bản vẽ MBTT, MB bố trí NT, MB trần, MC có minh họa màu sắc, vật liệu, kích thước tổng quát (TL 1/50, 1/100). - Phối cảnh tiêu biểu các không gian chọn khai triển. - Bảng minh họa mẫu vật liệu, trang thiết bị kỹ thuật đặc biệt. GD3:Khai triển vẽ kỹ thuật (Trình bày trên n tờ giấy A3) - MB phân khu chức năng tổng thể, MB bố trí NT, MB trần, MĐ, MC cần thiết, kích thước và chú thích vật liệu, cấu tạo chính (TL 1/50, 1/100). - Khai triển chi tiết sản phẩm vật dụng nội thất (TL 1/20) - Bảng thống kê trang thiết bị, vật liệu...dự kiến	Thiết kế cơ bản 1 module không gian Trong module này, người học được giới thiệu với các nguyên tắc cơ bản về hình thức và hệ không gian trong bối cảnh thiết kế 3 chiều. Mục đích của module này là để phát triển một nhận thức về tầm quan trọng của hình thức và không gian trong thiết kế.
Các tiêu chí đánh giá và trọng số (Assessment Criteria and Weighting)	GD1 - Thiết lập dữ liệu thiết kế (3 điểm) GD2:Thực hành thiết kế nội thất (5 điểm) GD3:Khai triển bản vẽ kỹ thuật (2 điểm)	- Nghiên cứu (Research) 30% - Phân tích và Phát triển (Analysis and Development) 20% - Tổng hợp / Giải pháp (Synthesis/resolution) 40% - Thể hiện (Presentation) 10% (Tùy môn học mà có những điều chỉnh tỉ lệ % khác nhau theo các nội dung yêu cầu)

Nhận xét	- Phần mục tiêu đồ án đã phần nào nêu được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng nhưng chưa có yêu cầu về thái độ học tập Ưu điểm: - Chia nhỏ đánh giá theo các giai đoạn ứng với các bước thực hành đồ án, bao quát suốt học phần phù hợp với nhiệm vụ thiết kế thể hiện qua các hạng mục cụ thể. - Điều kiện đi tiếp đồ án dựa vào điểm đánh giá giai đoạn trước nên có cơ sở để đánh giá quá thực hiện đồ án của SV, giảm thiểu sự thụ động, sao chép... Hạn chế: - Nội dung đánh giá thiếu sự gắn kết với mục tiêu đồ án. - Thiếu điểm chuyên cần. - Hình thức đánh giá: sử dụng thang điểm 10, phải chấm điểm lẻ, nội dung nhiều mà điểm nhỏ, chênh lệch lớn nếu làm tròn điểm 3 GD (thiếu chính xác và phức tạp khi làm điểm cuối kỳ). - Tổ chức đánh giá: theo nhóm, dễ bị thiếu tương quan giữa các nhóm trong lớp.	- Các mục tiêu, yêu cầu đào tạo rất chi tiết và định hướng rõ ràng về mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ nhân cách người học. - Tiêu chí về kết quả học tập chi tiết và liên quan chặt chẽ với mục tiêu đào tạo - Tiêu chí đánh giá có sự liên kết với mục tiêu đào tạo để đánh giá năng lực người học về các mặt: nghiên cứu, phân tích phát triển ý, giải pháp và thể hiện - Thang điểm còn chung chung, chưa thể hiện phân bổ thời gian đánh giá cụ thể.
------------------------	---	---

Chỉ xem xét phần mục đích và đánh giá kết quả của hai chương trình trên, có thể thấy: với hai cách thức xây dựng cơ cấu môn học nêu trên cho thấy bộ đề chương trình môn học đồ án của khoa chưa cho thấy định hướng yêu cầu đào tạo, mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ nhân cách người học qua môn học và sự gắn kết với tiêu chí đánh giá và yêu cầu kết quả học tập, năng lực SV. (Bộ đề đồ án trên đây là “cấu hình” cơ bản của hệ thống các đồ án dạng giảng dạy tại khoa KTNT)

Về tổ chức đánh giá kết quả học tập

Hình thức đánh giá đồ án qua các giai đoạn như vậy khó tránh khỏi ít nhiều chủ quan và cảm tính của người dạy, do đặc thù ngành nghệ thuật mỗi người có những cảm nhận về thẩm mỹ, cái đẹp khác nhau. Cách chấm điểm thường là tương tác trực tiếp với sinh viên trong các giai đoạn (chỉ độc lập đánh giá đồ án vào cuối học phần), nên tâm lý của giảng viên dễ bị giới hạn về thời gian và tâm lý nên có ảnh hưởng ít

hiều trong quá trình đánh giá. Dù đề bài đã có những tiêu chí và thang điểm cụ thể, xong không tránh khỏi thiếu đồng nhất của nhóm giảng viên hay các thành viên hội đồng trong việc đánh giá chấm điểm. Cách chấm điểm thường là so sánh, phân loại từ cao xuống thấp sau đó thống nhất thang điểm và đánh giá các bài còn lại bằng cách so sánh, loại trừ dần.

Khi phân nhóm, giảng viên cũng độc lập hướng dẫn và đánh giá đồ án, ít có điều kiện tập hợp nhóm hướng dẫn để thống nhất tiêu chí, phân loại (A,B,C và không đạt) các đồ án, xác định thang điểm rồi về chấm nhóm, sẽ có sự tương quan, tổng thể hơn, vì thế khó có sự đồng nhất giữa các giảng viên cùng tham gia hướng dẫn khi đánh giá đồ án. Mặt khác thì giảng viên thường bận lịch dạy, đi dạy tỉnh do vậy việc đánh giá các giai đoạn và kết thúc đồ án không bảo đảm cùng thời điểm, khó có thể tập hợp để chấm chung, như vậy không thể tránh khỏi việc sinh viên thắc mắc về sự chênh lệch điểm giữa các đồ án trong một lớp hay các lớp của một khóa.

Cũng do đặc thù đào tạo mà thường phải mời nhiều giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia tham gia. Do không thường xuyên sinh hoạt chuyên môn ở tổ bộ môn, khoa nên việc cập nhật đề cương, giáo án môn học còn hạn chế, nhất là trong tình trạng quản lý như hiện nay. Điều này ảnh hưởng không ít đến chất lượng giảng dạy và việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Việc trả kết quả cũng còn một số tồn tại, vì tính đặc thù của đồ án mà kết quả đánh giá được GV nhận xét, phân tích và đánh giá cũng là phần sinh viên có thể học hỏi thêm về kiến thức, khả năng đánh giá thẩm định và rút kinh nghiệm... cho đến nay, rất ít nhóm có điều kiện GV chấm và trả bài ngay để có những nhận xét, giải đáp thắc mắc, điểm tổng kết môn do GVHD chấm xong trả bài về khoa và SV tự lên lấy bài. Nếu GV khi chấm có ghi nhận xét, cho điểm trên đồ án thì tính thuyết phục cao xong còn không ít GV chỉ đánh giá điểm mà không nhận xét bài, SV có thể chưa “Tâm phục, khẩu phục”, đây là một tồn tại, hạn chế đối với môn học dạng đồ án.

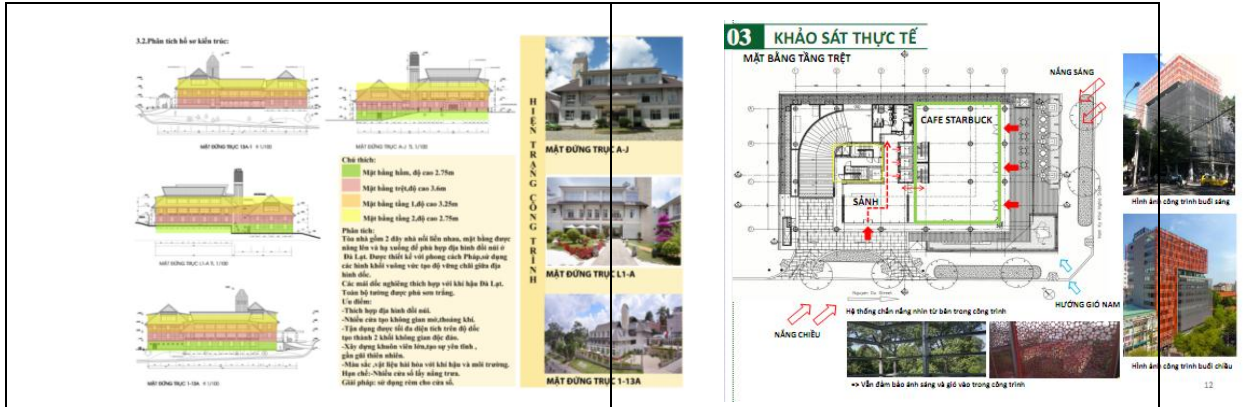
Đồ án tốt nghiệp cuối khóa của SV (18 tuần # 10 tín chỉ) cũng là một vấn đề tồn tại nhiều bất cập gây những áp lực về tâm lý cho GV và SV năm cuối khóa, về lâu dài rất cần sự xem xét bàn luận của khoa và nhà trường để tìm những giải pháp hình thức đánh giá tối ưu hơn hiện nay, nhằm đánh giá đúng và toàn diện năng lực, chất lượng của SV trước khi đưa họ vào Xã hội qua đó thấy được hiệu quả, chất lượng đào tạo của khoa và trường.

Về xử lý kết quả học tập

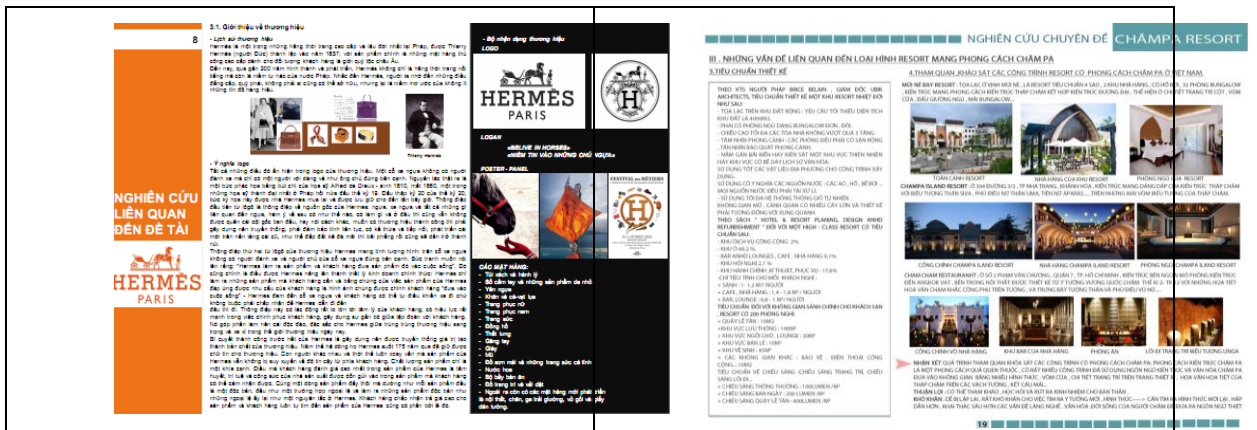
Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập chỉ dừng lại ở chỗ hoàn tất bảng điểm học phần dạy của giảng viên và xử lý điểm cho sinh viên, chưa khai thác, phân tích và sử dụng kết quả này vào việc điều chỉnh, xây dựng chương trình, đề cương môn học cũng như đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập ở cấp bộ môn, khoa nói riêng và chất lượng, đào tạo chung của nhà trường. SV tốt nghiệp ra trường mỗi năm khoa và trường

cũng không có điều kiện thống kê số lượng có việc làm và vị trí công việc... Như vậy sự thiếu quan tâm đến đánh giá kết quả học tập của người học cũng như kết quả đào tạo một cách đúng mức để thấy hiệu quả thực tế của chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo là điều đáng lo ngại.

HÌNH THỨC ĐỒ ÁN THIẾT KẾ NỘI THẤT VÀ CÁC GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ



Trình bày: Giới thiệu, khảo sát, phân tích hồ sơ kiến trúc – đánh giá giai đoạn 1



Trình bày: phân nghiên cứu liên quan đề tài – (giai đoạn 2)



Trình bày: ý tưởng, phương án thiết kế (concept) – đánh giá giai đoạn 2



Trình bày: Thiết kế không gian 3Dmax và kỹ thuật Autocad – đánh giá giai đoạn 3

3. Một số kiến nghị, đề xuất

“Một trường đại học có chất lượng cao là trường tuyên bố rõ ràng sứ mạng (mục đích) của mình và đạt được mục đích đó một cách hiệu quả và hiệu suất nhất... Thông qua kiểm tra, thanh tra chất lượng các tổ chức hữu quan sẽ xem xét, đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của trường đó có khả năng giúp nhà trường hoàn thành sứ mạng một cách hiệu quả và hiệu suất cao nhất không?” [2, tr.164]. Qua các phần trình bày nêu trên và kinh nghiệm thực tế hướng dẫn đồ án, xin nêu một số kiến nghị, giải pháp để góp phần nào trong việc đổi mới trong về tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập cho khoa Kiến trúc nội thất cũng như các ngành đào tạo về thiết kế khác.

- Trong xây dựng chương trình đào tạo, đề cương bài giảng, giáo trình giáo án nhất thiết phải gắn mục tiêu đào tạo, mục tiêu môn học nêu rõ yêu cầu về tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, xem nó như một vế song hành với phần đề cương bài giảng nhằm đánh giá sát sao nhất hiệu quả của chương trình dạy, chất lượng giảng dạy của giảng viên và kết quả và năng lực của người học qua đồ án, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tiến tới hình thành những nhóm tiêu chí, yêu cầu về tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập dành cho các học phần dạng đồ án thuộc các chuyên ngành thiết kế.

- Giảng viên soạn thảo đề cương đồ án cần nêu rõ những mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ nhân cách người học, tiêu chí và hình thức đánh giá kết quả học tập, dành thời lượng, số tiết học của học phần để nhận xét đánh giá đồ án. Hình thức chấm đồ án ngay tại lớp sẽ tăng tính minh bạch và thuyết phục hơn, xem việc đánh giá kết quả cũng là phần học hỏi bổ ích cho SV ở HP dạng đồ án. Thực tế SV cũng rất quan tâm đến lý do mà họ có được điểm số đó.

- Để tăng tính minh bạch và công bằng đồng thời kích thích động cơ học tập của sinh viên, cần công khai những tiêu chí và thang điểm đánh giá cho SV chia nhỏ các

giai đoạn và điểm đánh giá để bảo đảm bao quát quá trình, các giai đoạn SV thực hiện đồ án. Như thế sẽ vất vả hơn cho giảng viên nhưng sẽ đánh giá được năng lực thật sự của người học và hạn chế việc SV sao chép, hay những “cảm tính” nếu có trong quá trình đánh giá của giảng viên.

- Nên có những hình thức mở rộng đối tượng đánh giá kết quả học tập của sinh viên như: sinh viên tự đánh giá các nhóm với nhau trong giai đoạn nghiên cứu và hình thành ý tưởng của đồ án để luyện tập khả năng làm việc nhóm, phản biện và đánh giá thẩm định hiệu quả nghiên cứu và tìm ý. Mở rộng sự tham gia của đối tượng ngoài xã hội như chuyên gia, doanh nghiệp liên quan đến chuyên ngành trong các hội đồng bảo vệ đồ án, các cuộc thi... để có sự đánh giá, thẩm định chất lượng đào tạo của xã hội.

- Thường xuyên giúp cho giảng viên và cán bộ các phòng ban cập nhật thông tin, văn bản, quy định mới về tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập. Các buổi sinh hoạt học thuật ở tổ bộ môn, khoa cũng cần thường xuyên chia sẻ các thông tin và kinh nghiệm đánh giá, lưu giữ bài mẫu... sau quá trình dạy đồ án về nội dung này.

- Cần có những bộ phận, nhóm chuyên trách của khoa hay phòng khảo thí để đảm trách việc tổng hợp, khảo sát nghiên cứu, thống kê, phân tích kết quả học tập và tốt nghiệp mỗi năm học, SV tốt nghiệp có việc làm, giải thưởng SV... để có số liệu cụ thể sử dụng trong việc kiểm định, tư vấn, thẩm định khi xây dựng, đổi mới các chương trình, ngành đào tạo cũng như đăng tải trên các phương tiện thông tin về thương hiệu của trường. Trang Web của khoa hay trường cần mở mục giới thiệu, cập nhật các đồ án tốt để SV tham khảo cũng như giới thiệu kết quả đào tạo trên phương tiện thông tin với xã hội.

- Nhà trường đã khởi động, cần khai triển nhanh, hiệu quả hơn việc tham gia các bộ tiêu chuẩn đánh giá đào tạo của khu vực và thế giới. Các chương trình mở ngành đào tạo, giáo trình xây dựng mới hay nâng cấp cần áp dụng các bộ tiêu chuẩn này.

Trong khuôn khổ hội thảo “Đào tạo Kiến trúc và các ngành thiết kế, xây dựng trong xu hướng toàn cầu hóa” nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập trường Đại học Kiến trúc TP. HCM, với chủ đề “*Những vấn đề của công trình, nội dung, phương pháp đào tạo nội thất với yêu cầu đổi mới*” giao cho khoa Kiến trúc nội thất. Trên đây là những trăn trở và trao đổi về quá trình tổ chức, kiểm tra đánh giá kết quả học tập cũng như chất lượng đào tạo còn tồn tại của khoa Kiến trúc nội thất.

Chúng tôi mong muốn đón nhận nhiều ý kiến đóng góp và chia sẻ của đồng nghiệp và các Thầy Cô có nhiều kinh nghiệm giảng dạy trong trường quan tâm đến vấn đề này để việc dạy và học, đào tạo ngày càng được đánh giá chuẩn xác nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học trong xu thế đổi mới và hội nhập như mục tiêu mà Hội thảo khoa học trường hướng đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Đức Danh, Bài giảng môn học *Đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học*. Dành cho GV lớp NVSP giảng viên tại trường ĐH Sư Phạm TP.HCM, tháng 6 năm 2016.
2. Nguyễn Thành Nhân (2014), *Đánh giá kết quả học tập môn học theo định hướng phát triển năng lực sinh viên*. Nxb ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2014.
3. Trường ĐH Sư Phạm TP. HCM, (2014). Tài liệu học tập học phần: *Đo lường và đánh giá kết quả học tập, phương pháp thực hành*. Khoa Tâm lý học.
4. Trích tài liệu “Tập huấn đánh giá trường cao đẳng của Cục khảo thí và thẩm định chất lượng giáo dục”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2008, 2009.
5. Jon Wiler – Joseph Bondi, (2002 - tb) *Curriculum Deverlopment* (xây dựng chương trình học ND Nguyễn Kim Dung), Nxb Giáo Dục, 2005.

Các website:

6. <http://www.dit.ie>
7. <https://www.dit.ie/media/library/documents/grangegorman1/programmedocuments/BADesignInterior&Furniture.pdf>
8. Một số hình ảnh đồ án của sinh viên các khóa thuộc khoa Kiến trúc nội thất